**kế hoạch dạy học BUỔI SÁNG**

**Tuần 2 ( từ 12/9 🡪16/9/2022)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ/ ngày | Tiết | Môn | Bài dạy | Ghi chú |
| HAI  12/9 | 1 | HĐTN | SHDC |  |
| 2 | Đạo đức | Quý trọng thời gian (tiết 2) |  |
| 3 | Tiếng Việt | Đọc: Ngày hôm qua đâu rồi ( tiết 1) |  |
| 4 | Tiếng Việt | Đọc: Ngày hôm qua đâu rồi ( tiết 2) |  |
| BA  13/9 | 1 | Toán | Số bị trừ - Số trừ - Hiệu (tiết 2) |  |
| 2 | Tiếng Việt | Viết chữ hoa Ă, Â |  |
| 3 | Tiếng Việt | Từ chỉ sự vật. Câu kiểu Ai là gì? |  |
| 4 | Tiếng Anh | Cô Nguyệt dạy |  |
| TƯ  14/9 | 1 | Mĩ thuật | Cô Dung dạy |  |
| 2 | Toán | Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu?(tiết 1) |  |
| 3 | Tiếng Việt | Đọc: Út Tin |  |
| 4 | Tiếng Việt | Nhìn – viết: Ngày hôm qua đâu rồi? |  |
| NĂM  15/9 | 1 | Toán | Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu? (tiết 2) |  |
| 2 | Tiếng Anh | Cô Nguyệt dạy |  |
| 3 | Tiếng Việt | MRVT: Trẻ em ( tiếp theo) |  |
| 4 | Tiếng Việt | Nghe – kể: Thử tài |  |
| SÁU  16/9 | 1 | Toán | Em làm được những gì? (tiết 1) |  |
| 2 | Tiếng Việt | Viết thời gian biểu |  |
| 3 | Tiếng Việt | Đọc một bài đọc về trẻ em |  |
| 4 | TNXH | Nghề nghiệp của người thân trong gia đình(t2) |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (BUỔI CHIỀU)**

**Tuần 2 ( từ 12/9 🡪16/9/2022)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ/ ngày | Tiết | Môn | Bài dạy | Ghi chú |
| HAI  12/9 | 1 | Toán | Số bị trừ - Số trừ - Hiệu (tiết 1) |  |
| 2 | Rèn Toán | Luyện tập |  |
| 3 | Rèn TV | Rèn đọc |  |
| BA  13/9 | 1 | TNXH | Nghề nghiệp của người thân trong gia đình(t1) |  |
| 2 | Rèn Toán | Luyện tập |  |
| 3 | Rèn TV | Rèn viết |  |
| TƯ  14/9 | 1 | GDTC | Luyện tập |  |
| 2 | Rèn TV | Rèn đọc+BTCT |  |
| 3 | HĐTN | Hoạt động giáo dục theo chủ đề |  |
| NĂM  15/9 | 1 | Rèn Toán | Luyện tập |  |
| 2 | HĐ thực hành | Thực hành Toán |  |
| 3 | Âm nhạc | Cô Thanh daỵ |  |
| SÁU  15/9 | 1 | Rèn TV | Thực hành Tiếng Việt |  |
| 2 | GDTC | Cô Tiên dạy |  |
| 3 | HĐTN | Tuần 2 |  |
|  | KNS | Lắng nghe tích cực (tiết 2) |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Khối trưởng** | **DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU** |
| Ngày 08/9/ 2022  Trang Mỹ Yến | **Từ ngày 12/9 🡪16/9/2022**  Ngày … / … /2022  P.Hiệu trưởng  Đặng Văn Trải |

**Thứ Hai, ngày 12 tháng 9 năm 2022**

**Hoạt động trải nghiệm**

# **CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU**

***- Tiết 1: Sinh hoạt dưới cờ:*** *Tham gia học tập nội quy nhà trường*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: Thể hiện trong lao động, nề nếp, gọn gàng trong sinh hoạt và học tập

- Phẩm chất nhân ái: Vui vẻ, thân thiện với các bạn khi trở lại trường học, hợp tác, chia sử với bạn khi tham gia công việc chung của trường, lớp.

**2. Năng lực:**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

**b.Năng lực đặc thù:**

- Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp

- Nhận diện hình ảnh thân thiện, vui vẻ của bản thân

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-**GV**:** Sổ, bút

- HS:Ghế ngồi tham gia SHDC

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TUẨN 2 – TIẾT 1: SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**Tham gia học tập nội quy nhà trường**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - T. TPT điều khiển lễ chào cờ.  - TPT nhận xét các mặt trong tuần qua  - Đại diện BGH nhận xét bổ sung sau đó TPT triển khai các công việc tuần mới.  – GV phối hợp với thầy/cô Tổng phụ trách tổ chức cho HS nghe và thực hiện việc rèn luyện nội quy của nhà trường.  – GV nhắc nhở HS ghi nhớ và tuân thủ nội quy mà nhà trường đã đề ra.  - TPT cho HS các lớp kí cam kết thực hiện nội quy trường lớp. | - HS chào cờ  - HS lắng nghe nhận xét thầy Thọ n/x các mặt trong tuần qua.  - HS lắng nghe kế hoạch tuần mới.  - HS nghe các nội quy của nhà trường  - HS tiếp thu lời nhắc nhở, tuân thủ các nội quy mà nhà trường đề ra, và kí cam kết. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Đạo đức**

**Qúy trọng thời gian (tiết 2)**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

- **Chăm chỉ:** Chủ động thực hiện được việc sử dụng thời gian một cách hợp lý và hiệu quả.

**- Trung thực:** Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.

**- Trách nhiệm:** Có ý thức tự giác trong học tập, trong các hoạt động sinh hoạt của bản thân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

**- Năng lực tự chủ và tự học:** Tích cực tham gia học tập, biết xử lí các tình huống và liên hệ bản thân

**- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập. Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của thầy cô.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Qua bài học biết áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận ra được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian.

- Thể hiện được thái độ đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện việc quý trọng thời gian; không đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện việc không quý trọng thời gian.

- Biết được vì sao quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí. Bước đầu sử dụng thời gian hợp lí và thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí.

- Lập được kế hoạch cá nhân, sắp xếp hoạt động và lập thời gian biểu của cá nhân trong một ngày.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- SGK đạo đức 2, bộ tranh, video clip về đức tính chăm chỉ.

**2. Học Sinh**

- SGK đạo đức 2, VBT đạo đức 2 (nếu có).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| 1. **KHỞI ĐỘNG**   **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về việc quý trọng thời gian để dẫn dắt vào bài học***.***  **Cách tiến hành:**  - Hs bắt bài hát  - GV giới thiệu nội dung bài học | **-**HS hứng thú vào bài  -HS hát.  -HS lắng nghe. |
| **B. THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Hoạt động 1: Nhận xét về lời nói, việc làm của Cốm.**  **Mục tiêu:** Giúp HS xác định được hành động thể hiện biết sử dụng thời gian hợp lí.  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, mỗi nhóm quan sát tranh, liên kết nội dung với các tranh và đưa ra nhận xét về lời nói, việc làm của bạn Cốm.  - GV gợi ý câu hỏi:  *+ Bạn Cốm đã làm gì và nói gì với mẹ?*  *+ Lời nói, việc làm của bạn Cốm có phải là biểu hiện biết quý trọng thời gian không? Vì sao?*  *+ Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm của bạn Cốm?*  *+ Em thấy mình có thể học tập cách sử dụng thời gian như bạn Cốm không?*  - GV cho các nhóm báo cáo kết quả luyện tập.  - GV nhận xét và sơ kết hoạt động.  **Hoạt động 2: Em sẽ khuyên Bin điều gì trong tình huống sau?**  **Mục tiêu:** Giúp HS lựa chọn cách ứng xử phù hợp thể hiện biết quý trọng thời gian***.***  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS làm việc theo nhóm đôi, mỗi nhóm quan sát tranh, liên kết nội dung các tranh, suy nghĩ và đưa ra lời khuyên thích hợp cho bạn Bin.  - GV gọi đại diện một số cặp đôi đứng dậy trình bày kết quả thảo luận.  - GV khuyến khích HS liên hệ bản thân, kể lại một số việc làm cho thấy bản thân các em đã biết sắp xếp công việc, sử dụng thời gian hợp lí. GV nhận xét, tuyên dương.  **Hoạt động 3**: Sắm vai Tin xử lí tình huống  ***Mục tiêu:*** HS liên hệ được các thành viên trong gia đình của bản thân. Xác định được các thế hệ trong gia đình mình.  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và cho các em sắm vai xử lí tình huống (1 HS sắm vai Tin, 1 HS sắm vai chú của Tin, 2 HS quan sát, nhận xét, góp ý; sau đó đổi ngược lại: 2 HS đã sắm vai sẽ quan sát, nhận xét, góp ý; 2 HS đã quan sát, nhận xét, góp ý sẽ sắm vai).    - GV cho HS quan sát tranh để nắm được nội dung tình huống, sau đó gợi ý để các nhóm phân tích, xử lí tình huống qua hình thức sắm vai:  *+ Tin đang làm gì? Chú của Tin đã đê nghị điều gì?*  *+ Nếu là Tin, em sẽ nói với chú thế nào và sẽ làm gì trong tình huống đó?*  - GV mời một nhóm thể hiện cách xử lí của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung. Sau đó GV mời thêm 1 - 2 nhóm có cách xử lí khác lên thể hiện.  - GV tổ chức cho cả lớp trao đổi, thảo luận về những cách xử lí mà các nhóm vừa thể hiện; sơ kết và dẫn dắt sang hoạt động sau.  **Hoạt động 4: *Chia sẻ với các bạn về những việc làm thể hiện em đã biết hoặc chưa biết quý trọng thời gian.***  ***Mục tiêu:*** *Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng sử dụng thời gian hợp lí.*  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 hoặc 6; trong mỗi nhóm, các em chia sẻ với nhau về những việc làm thể hiện bản thân đã biết hoặc chưa biết quý trọng thời gian.  - Mỗi nhóm lựa chọn một việc làm thể hiện biết quý trọng thời gian, một việc làm thể hiện chưa biết quý trọng thời gian để chia sẻ trước lớp.  - GV chọn 1 - 2 chia sẻ của HS về việc làm thể hiện chưa biết quý trọng thời gian và cho cả lớp tiếp tục thảo luận câu hỏi: *Theo các em, bạn nên làm gì để khắc phục thiếu sót đó?*  - GV gọi HS trả lời, nhận xét, sơ kết hoạt động.  **Hoạt động 5: *Lập thời gian biểu trong ngày của em***  ***Mục tiêu:*** *Giúp HS lập được thời gian biểu cho học tập, sinh hoạt hằng ngày.*  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu thời gian biểu của Tin, trả lời câu hỏi:  *+ Thời gian biểu là gì?*  *+ Đọc thời gian biểu của Tin, em thấy thời gian biểu gồm những nội dung gì?*  *+ Em đã có thời gian biểu chưa? Đó là thời gian biểu tuần hay thời gian biểu của ngày?*  *+ Em xây dựng thời gian biểu như thế nào?*  - GV nghe HS trả lời, GV kết luận: Để lập được thời gian biểu cho một ngày/tuần, trước hết em cần liệt kê tất cả những việc làm cần thiết trong ngày/tuần, sau đó:  *+ B1: đánh số các việc làm theo thứ tự ưu tiên*  *+ B2: xác định thời gian để thực hiện từng việc làm*  *+ B3: lập thời gian biểu*  *+ B4: thực hiện theo thời gian biểu*  *+ B5: điều chỉnh thời gian biểu nếu cần thiết.*  - GV cho HS thực hành làm thời gian biểu, GV tổng kết hoạt động.  **Hoạt động 6 + 7:** Thực hiện những việc làm theo thời gian biểu và điều chỉnh khi cần thiết, nhắc nhở HS thực hiện những việc làm thể hiện sự quý trọng thời gian.  ***Mục tiêu****: Giúp HS thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí theo thời gian biểu đã lập.*  **Cách tiến hành:**  - GV nhắc nhở HS, lập thời gian biểu và thực hiện theo đúng thời gian biểu.  - Động viên HS, nhắc nhở bạn bè và người thân thực hiện việc làm thể hiện quý trọng thời gian.  - Sưu tầm, chia sẻ với bạn bè những câu danh ngôn, ca dao, tục ngữ… nói về thời gian, lợi ích của việc biết quý trọng thời gian, tác hại của việc lãng phí thời gian.  - GV kết luận, tổng kết bài học. | ***-****HS xác định được hành động thể hiện biết sử dụng thời gian hợp lí.*  - HS bắt cặp đôi  - HS suy nghĩ câu trả lời  + Cốm nói với mẹ: Lúc nào rỗi con cũng tập đàn mẹ ạ.  + Cốm luôn tranh thủ thời gian rảnh rỗi để tập đàn. Vì thế, việc học đàn của bạn có nhiều tiến bộ, được mẹ khen.  +Bạn đã biết sử dụng thời gian cho những việc có ích một cách hợp lí.  -HS trả lời  - HS báo cáo kết quả trước lớp  - HS nghe GV nhận xét.  ***-****HS lựa chọn cách ứng xử phù hợp thể hiện biết quý trọng thời gian.*  - HS bắt cặp đôi với bạn bên cạnh, tìm ra lời khuyên.  - Đại diện cặp đôi trình bày kết quả.  - HS liên hệ, kể lại việc làm của bản thân.  *-HS liên hệ được các thành viên trong gia đình của bản thân. Xác định được các thế hệ trong gia đình mình.*  - HS hoạt động nhóm, sắm vai, xử lí tình huống.  - Các nhóm quan sát tranh để hình dung tình huống.  - HS lắng nghe câu hỏi gợi ý của GV  - Các nhóm đưa ra cách xử lí.  - Một nhóm trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét.  - HS nghe nhận xét, tổng kết hoạt động của GV.  *-HS vận dụng kiến thức, kĩ năng sử dụng thời gian hợp lí.*  - HS hoạt động nhóm, chia sẻ cho nhau việc làm của bản thân.  - Các nhóm chọn một việc chia sẻ trước lớp.  - HS nghe và trả lời câu hỏi  - HS nghe nhận xét, tổng kết hoạt động của GV.  *-HS lập được thời gian biểu cho học tập, sinh hoạt hằng ngày.*  - HS đọc thông tin  - HS suy nghĩ đưa ra câu trả lời.  +Bảng kê trình tự thời gian và những việc làm ứng với thời gian đó; thời gian biểu giúp chúng ta quản lí thời gian, thực hiện sinh hoạt, học tập có kế hoạch, nền nếp  ­+Thời gian và các hoạt động trong ngày của Tin.  -HS trả lời.  - HS nghe GV kết luận.  - HS ghi nhớ các bước để lập thời gian biểu.  - HS lập thời gian biểu cho riêng mình.  *-HS thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí theo thời gian biểu đã lập.*  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS tiếp thu và thực hiện  - HS sưu tâm để chia sẻ với mọi người.  - HS nghe GV tổng kết. |
| **C. VẬN DỤNG**  -GV cho HS đọc và thảo luận về bài thơ trong phần Ghi nhớ, SGK *Đạo đức 2,* trang 9.  Câu hỏi gợi ý:  + *Em hiểu thế nào về 2 câu thơ: "Thời gian thấm thoắt thoi đưa/Nó đi đi mãi không chờ đợi ai"?*  *+ Vì sao bài thơ lại khuyên "Việc nay chớ để ngày mai/Không nên trì hoãn kéo dài thời gian"?*  *+ Bài thơ giúp em hiểu thêm điều gì về thời gian và cần làm gì để sử dụng thời gian một cách hiệu quả?...*  GV nhận xét, đánh giá, tổng kết bài học; căn dặn HS tập thói quen sử dụng thời gian biểu. | -HS thảo luận chia sẻ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 3: Ngày hôm qua đâu rồi?**

**Đọc Ngày hôm qua đâu rồi?**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Yêu quý thời gian, làm những việc có ích tránh lãng phí thời gian.   * Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn * Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập   **2. Năng lực**  **a.Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia đọc bài  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  **b.Năng lực đặc thù**  - Biết cách xem lịch và nói được ích lợi của lịch; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Chúng ta cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian; biết liên hệ bản thân: chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian; tìm được 3 – 5 từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có trong bài thơ.  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**  **GV :**Tranh minh họa, tờ lịch ngày hôm trước buổi học.  **HS :** SGK, đọc bài trước |

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.  **Cách tiến hành:**  - *GV cho SH quan sát hình ảnh tờ lịch, hướng dẫn HS thảo luận và trả lời câu hỏi:*  + Đọc các nội dung trên tờ lịch  + Trao đổi với bạn: Chúng ta cần lịch để làm gì?  *-* Trong gia đình của chúng ta, đều có những tờ lịch treo tường như hình ảnh vừa quan sát. Tờ lịch có rất nhiều ích lợi. Nhìn vào tờ lịch, chúng ta có thể biết được rất nhiều việc mà các em đã làm được và chưa làm được của ngày hôm qua. Thời gian đã trôi đi thì không trở lại. Nhưng muốn thời gian ở lại, mọi người, mọi vật đều phải cố gắng làm việc hằng ngày. Một bạn nhỏ đã hỏi bố một câu hỏi rất ngộ nghĩnh: Ngày hôm qua đâu rồi? Chúng ta cùng đọc và tìm hiểu bài thơ Ngày hôm qua đâu rồi? sẽ tìm được câu trả lời thú vị. Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay - Bài 3: Ngày hôm qua đâu rồi?.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng**  **Mục tiêu:** HS đọc bài thơ Ngày hôm quan đâu rồi? trôi chảy, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện.  **Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa bài thơ Ngày hôm quan đâu rồi? và trả lời câu hỏi: Trong tranh có những nhân vật nào? Họ đang làm gì?  **-** GV đọc mẫu toàn bài thơ:  + Đọc phân biệt giọng nhân vật: Giọng bạn nhỏ thể hiện sự ngạc nhiên; giọng người bố thể hiện sự ân cần, vui vẻ.  + Ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.  - GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ khó: tỏa hương, ước mong.  - GV mời 4 HS đọc bài (Mỗi HS 1 đọc 1 khổ thơ):  + HS1(Đoạn 1): từ đầu đến “bố cười”.  + HS1 (Đoạn 2): tiếp theo đến “tỏa hương”.  + HS3 (Đoạn 3): tiếp theo đến “ước mong”.  + HS4 (Đoạn 4): đoạn thơ còn lại.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm  Gọi 1 nhóm đọc bài trước lớp  Nhận xét  **TIẾT 2**  **Hoạt động 2: Luyện đọc hiểu**  **Mục tiêu**: HS giải nghĩa được một số từ khó; đọc thầm lại bài thơ; trả lời câu hỏi trong SHS; nêu được nội dung bài học, liên hệ bản thân.  **Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  **-** GV yêu cầu HS giải nghĩa một số từ khó: gặt hái, ước mong.  - GV hướng dẫn HS đọc thầm lại bài thơ một lần nữa.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, trả lời các câu hỏi trong phần Cùng tìm hiểu.  Câu 1: Bạn nhỏ hỏi bố điều gì?  Câu 2: Theo bố, ngày hôm qua ở lại những nơi nào?  Câu 3: Ngày hôm qua của em ở lại những đâu?  - GV yêu cầu HS rút ra nội dung bài học.  **Vậy cần làm những việc có ích, chăm chỉ học hành để không lãng phí thời gian**  **Hoạt động 3: Luyện đọc lại**  **Mục tiêu:** HS xác định được giọng của từng nhân vật; luyện đọc đoạncác khổ thơ trong bài thơ Ngày hôm qua đâu rồi?; đọc thuộc lòng 2 khổ thơ trước lớp.  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV yêu cầu HS nhắc lại lưu ý giọng đọc bài thơ Ngày hôm qua đầu rồi?.  - GV đọc lại 2 khổ thơ đầu.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm:  + Đọc 2 khổ thơ đầu.  + Đọc thuộc lòng khổ thơ thứ nhất.  + Luyện đọc 2 khổ thơ em thích.  - GV mời 1-2 HS đọc thuộc lòng hai khổ thơ em thích trước lớp.  Nhận xét  **Hoạt động 4: Luyện tập mở rộng**  **Mục tiêu:** HS trả lời được câu hỏi trong phần Trang vở hồng của em SHS trang 19, tìm trong bài thơ từ ngữ chỉ đồ vật, cây cối, hoạt động.  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV mời 1HS đọc yêu cầu câu hỏi phần Trang vở hồng của em  - GV hướng dẫn HS: đọc lại bài thơ để tìm câu trả lời.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi.  - GV mời đại diện 2-3 HS trình bày câu trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá các nhóm tìm được từ nhanh và chính xác.  **C.VẬN DỤNG**  Nêu lại nội dung bài học  Chia sẻ với người thân, gia đình và bạn bè về nội dung bài học  Chuẩn bị tiết sau | -HS hứng thú học tập  - HS trả lời.  + Nội dung trên tờ lịch: Thứ 7 ngày 25 tháng 9 năm 2021; ngày 19 tháng 8 năm 2021.  + Chúng ta cần lịch để: xem thứ, ngày, tháng âm lịch và dương lịch.  -*HS đọc được bài thơ Ngày hôm quan đâu rồi? trôi chảy, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện.*  - Trong tranh có hai nhân vật (người bố và người con). Họ đang nói chuyện với nhau (người con cầm tờ lịch, người bố vui vẻ xoa đầu con).  - HS lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc.  - HS đọc bài.  - HS luyện đọc theo nhóm.  1 nhóm trình bày  - HS giải nghĩa từ khó:  + Gặt hái: thu hoạch.  + Ước mong: mong muốn, ước ao.  - HS đọc thầm.  - Bạn nhỏ hỏi bố “Ngày hôm qua đâu rồi?”.  - Theo bố, ngày hôm qua ở lại những nơi: cành hoa trong vườn, hạt lúa mẹ trồng, vở hồng của con.  Tùy vào sự tư duy, suy nghĩ của mỗi HS (ngày hôm qua ở lại trên trang vở, trên sân trường,...)  - HS trả lời: Nội dung bài học là cần làm những việc có ích, chăm chỉ học hành để không lãng phí thời gian.  HS xác định được giọng của từng nhân vật; luyện đọc đoạncác khổ thơ trong bài thơ Ngày hôm qua đâu rồi?; đọc thuộc lòng 2 khổ thơ trước lớp  - HS trả lời: Đọc bài thơ với giọng nhân vật: Giọng bạn nhỏ thể hiện sự ngạc nhiên; giọng người bố thể hiện sự ân cần, vui vẻ.  - HS lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc.  - HS đọc bài.  -*HS trả lời được câu hỏi trong phần Trang vở hồng của em SHS trang 19, tìm trong bài thơ từ ngữ chỉ đồ vật, cây cối, hoạt động*.  Tìm trong bài từ ngữ chỉ đồ vật, cây cối, hoạt động.  - HS trả lời: Từ ngữ chỉ:  + Đồ vật: lịch, vở.  + Cây cối: hồng, lúa.  + Hoạt động: cầm, ra, hỏi, trồng, gặt hái, học hành.  Cần làm những việc có ích, chăm chỉ học hành để không lãng phí thời gian. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

CHIỀU

**Toán**

**Số bị trừ -Số trừ -Hiệu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

**- Yêu nước:** Kính trọng mọi người.

**- Nhân ái:** Biết chia sẻ với bạn bè.

**- Chăm chỉ:** Hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**- Trung Thực:** Mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

**- Trách nhiệm**: Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của lớp, trường

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**:

- **Năng lực tự chủ và tự học**: Tự làm được các bài tập cá nhân

- **Năng lực giao tiếp, hợp tác** Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Dựa trên các kiến thức đã có, biết hình thành kiến thức mới.

**b. Năng lực đặc thù:** Giải thích được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.

**\* Tích hợp:** Tự nhiên và Xã hội

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Giáo án, SGK, SGV.

- Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

-HS: SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”  - GV chia lớp thành 2 đội, đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1 làm phép tính ngang, đội 2 đặt tính).  **69 – 21 = 48**  **69**  **21**  **48**  **-**  - GV quan sát HS làm, trong một đội, ai nhanh nhất và đúng, được gắn bảng lên trước lớp.  - GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới: **Số bị trừ - Số trừ - Hiệu**  **B. KHÁM PHÁ**  **Mục tiêu:** HS nắm được các thành phần của phép trừ và biết áp dụng để thực hành.  **Cách tiến hành:**  **Bước 1: Giới thiệu tên gọi các thành phần của phép trừ**  - GV viết lại phép tính lên bảng lớp:  **15**  **4**  **11**  **-**  **15 – 4 = 11**  - GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép trừ (nói và viết lên bảng như sgk).    - GV lần lượt chỉ vào số 15, 4, 11 yêu cầu HS nói tên các thành phần  - GV nói tên các thành phần: số bị trừ, số trừ, hiệu yêu cầu HS nói số.  **Bước 2: Thực hành**  ***\* Gọi tên các thành phần của phép trừ***  - GV cho HS nhóm đôi sử dụng sgk gọi tên các thành phần của các phép trừ (theo mẫu).  - GV sửa bài, đưa thêm một số phép trừ khác: 7 – 5 = 2, 74 – 43 = 31, 96 – 6 = 90,….  ***\* Viết phép trừ***  - GV cho HS tìm hiểu bài: nhận biết tính hiệu là thực hiện phép trừ, mỗi phép trừ thực hiện hai cách viết (hàng ngang và đặt tính), cần phải viết các phép trừ đó ra bảng con.  - GV ví dụ: Tính hiệu của 9 và 5  **9**  **5**  **4**  **-**  Phép trừ tương ứng là: **9 – 5 = 4**  - GV lần lượt chỉ vào số 9, 5, 4 yêu cầu HS gọi tên các thành phần.  **C. VẬN DỤNG:**  **Mục tiêu:** HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua hoạt động hỏi nhanh, đáp nhanh.  **Cách tiến hành:**  - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép cộng. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thành phần của phép tính.  10 – 7 = 3  24 – 13 = 11  ……  - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. | -HS hứng thú vào bài học mới.  - HS nghe GV trình bày thể lệ trò chơi  - HS thực hiện tính nhanh  - HS nghe GV giới thiệu bài mới  - HS quan sát, ghi phép tính vào vở  - HS chú ý lắng nghe  - HS nhắc: số bị trừ, số trừ, hiệu.  - HS nhắc: 15 và 4, 11  - HS hoạt động nhóm đôi gọi tên  - HS nghe GV chữa bài, thực hiện phép trừ GV đưa ra.  - HS lắng nghe, nắm rõ kiến thức.  - HS quan sát GV làm ví dụ- HS nhắc: số bị trừ, số trừ , hiệu  -*HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học.*  - HS lắng nghe GV trình bày  - HS nêu tên các thành phần  - HS lắng nghe nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Rèn Toán**

**Số bị trừ- Số trừ-Hiệu**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phẩm chất**:

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ trong học tập

**2.Năng lực**

**a.Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Hợp tác với bạn hoàn thành các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề: vận dụng sáng tạo những kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập trong bài, ứng dụng tốt trong cuộc sống

**b.Năng lực đặc thù**

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ

- Ôn tập phép trừ trong phạm vi 10, 100.

**Tích hợp**: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.

**-** HS:Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động.**  **Cách tiến hành** | | |
| - Trò chơi “Ai nhanh nhất?”  - GV giới thiệu, ghi tựa: Số trừ, số bị trừ, hiệu | - HS cả lớp thực hiện trò chơi.  - HS nhắc tựa |
| **2.Luyện tập, thực hành.**  **Mục tiêu:** HS hoàn thành các BT ôn tập về số bị trừ, số trừ, hiệu  **Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1:**  - GV giới thiệu BT  - HDHS tìm số bị trừ, số trừ, hiệu từ các phép tính đã cho  Theo dõi hỗ trợ HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nêu YCBT  - HS lắng nghe  - HS thực hiện CN 3’  Số bị trừ: 63, 28, 35  Số trừ: 41, 17, 30  Hiệu: 22, 11, 5  - HS đọc KQ  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 2:**  - GV giới thiệu BT  - YCHS nêu lưu ý khi đặt tình rồi tính  - GV đọc phép tính  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nêu YCBT  - HS nêu: đặt tính thẳng hàng,…  - HS thực hiện BC, 1 HS bảng lớp  KQ: 42, 37, 81  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 3**  - GV giới thiệu BT  - Tổ chức trò chơi truyền điện  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS quan sát  - HS thi đua theo tổ  58 – 26 với 22  43 – 21 với 22  92 – 40 với 52  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 4**  - GV giới thiệu BT  - Tổ chức trò chơi tiếp sức  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS quan sát  - HS thi đua theo tổ  50 – 10 và 70 – 30  100 – 40, 10 - 6 và 80 – 20  8 – 4 và 9 – 5  - Lớp nhận xét, tuyên dương |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Rèn Tiếng Việt**

# **Bài 3: Ngày hôm qua đâu rồi?**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng sự chăm chỉ, tính tự giác, trách nhiệm với những việc làm của mình.

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết sắp xếp thời gian biểu hợp lý

**b.Năng lực đặc thù:**

- Biết xem lịch và nói được ích lợi của lịch; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Chúng ta cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian, biết liên hệ bản thân: chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian, tìm được 3 - 5 từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có trong bài thơ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV : Tờ lịch ngày hôm trước buổi học. Bảng phụ ghi hai khổ thơ đầu. Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS : SHS.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động.**  **Mục tiêu:** HS phấn khởi, tích cực chủ động trước tiết học  **Cách tiến hành** | |
| - Tổ chức HS thi đọc  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV giới thiệu, ghi tựa: Ngày hôm qua đâu rồi | - HS thi đua đọc 1 đoạn tự chọn bài Ngày hôm qua đâu rồi  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe, nhắc tựa |
| **2.Hoạt động Luyện tập thực hành**  **Mục tiêu:** HS luyện đọc lại bài đọc, hiểu nội dung bài. Hoàn thành các BT trong VBT  **Cách tiến hành** | |
| **HĐ 1: Luyện đọc: Ngày hôm qua đâu rồi?**  - YCHS mở SGK bài Ngày hôm qua đâu rồi?  - YCHS đọc nối tiếp đoạn  - YCHS đọc bài  - YCHS trả lời lại câu hỏi của bài  - Nhận xét, tuyên dương | - HS mở SGK/18  - HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 4’  - HS đọc nối tiếp đoạn trước lớp  - HS đọc bài trước lớp CN-ĐT |
| **3.Vận dụng, trải nghiệm:**  **Mục tiêu:** HScủng cố nội dung bài đọc, chuẩn bị bài sau  **Cách tiến hành:** | |
| - YCHS đọc + trả lời câu hỏi của bài  - GV nhận xét, tuyên dương  - Dặn HS chuẩn bị bài: Út tin  - Nhận xét tiết học | - HS đọc + trả lời câu hỏi của bài  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe  - HS nhận xét tiết học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Thứ Ba, ngày 13 tháng 9 năm 2022**

**Toán**

**Số bị trừ- Số trừ-Hiệu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

**- Yêu nước:** Kính trọng mọi người.

**- Nhân ái:** Biết chia sẻ với bạn bè.

**- Chăm chỉ:** Hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**- Trung Thực:** Mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

**- Trách nhiệm**: Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của lớp, trường.

\* Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**:

- **Năng lực tự chủ và tự học**: Tự làm được các bài tập cá nhân

- **Năng lực giao tiếp, hợp tác** Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Dựa trên các kiến thức đã có, biết hình thành kiến thức mới.

***b. Năng lực đặc thù:*** Giải thích được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.

**3. Phẩm chất:**

**- Yêu nước:** Kính trọng mọi người.

**- Nhân ái:** Biết chia sẻ với bạn bè.

**- Chăm chỉ:** Hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**- Trung Thực:** Mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

**- Trách nhiệm**: Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của lớp, trường.

\* Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV.

- Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”  - GV chia lớp thành 2 đội, đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1 làm phép tính ngang, đội 2 đặt tính).  **77 – 21 = 56**  **77**  **21**  **56**  **-**  - GV quan sát HS làm, trong một đội, ai nhanh nhất và đúng, được gắn bảng lên trước lớp.  - GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới: **Số bị trừ - Số trừ - Hiệu**  **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại cách nhận biết tính hiệu và các thành phần của phép tính hiệu  **Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1***  - GV cho HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài  - GV đọc lần lượt từng phép tính, yêu cầu HS thực hiện phép tính ra bảng con.  *+ Tính hiệu: Số bị trừ là 63, số trừ là 20*  *+ Tính hiệu: Số bị trừ là 35, số trừ là 15*  *+ Tính hiệu: Số bị trừ là 78, số trừ là 52*  *+ Tính hiệu: Số bị trừ là 97, số trừ là 6*  - GV mời 4 bạn HS lên bảng, mỗi bạn thực hiện đặt tính một phép tính.  - GV chữa bài cho các em, GV yêu cầu hs gọi tên các thành phần của phép tính.  - GV tuyên dương, khen ngợi các bạn đã thực hiện phép tính đúng, trình bày đẹp.  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2***  - GV gọi HS trả lời câu hỏi:  *+ Yêu cầu của bài là gì?*  - GV cho HS thực hiện theo nhóm đôi đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe  - GV chữa bài, khuyến khích nhiều em HS đọc  - GV nhận xét, tuyên dương các em HS đọc rõ ràng, đúng  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi, hoàn thành BT3***  - GV gọi HS trả lời câu hỏi:  *+ Yêu cầu của bài là gì ? (Số)*  *+ Tìm thế nào?*  - GV vẽ các hình lên bảng, cho HS hoạt động bắt cặp với bạn bên cạnh, thảo luận và tìm những số thích hợp điền vào ô trống    - GV gợi ý cách làm (Dựa vào sơ đồ tách –gộp số, tính từ trên xuống: 8 gòm 3 và 5; 3 gồm 2 và 1. Tiếp theo: 5 gồm 1 và mấy?) Tương tự với câu a, các em làm tương tự câu b.  - GV lấy tinh thần xung phong, gọi HS lên bảng điền vào vị trí còn trống.  - GV chữa bài cho HS, khuyến khích HS giải thích cách làm  - GV nhận xét và khen ngợi tinh thần học tập của các bạn.  ***Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4***  - GV gọi HS trả lời câu hỏi:  *+ Yêu cầu của bài là gì? (số)*  *+ Vậy tìm bằng cách nào?*  - GV hướng dẫn cho HS: Dựa vao sơ đồ tách – gộp số., thao tác tách để tìm số thích hợp thay cho dấu ?  - GV yêu cầu HS quan sát mẫu làm tương tự đối với bài tập còn lại  + Lưu ý HS dựa vào cách tách để kiểm tra kết quả    - GV gọi HS trình bày kết quả, GV chữa bài, nhận xét kết quả của HS.  - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành các bài tập 5 trong sgk.  **C. VẬN DỤNG**  **Mục tiêu:** HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua hoạt động hỏi nhanh, đáp nhanh.  **Cách tiến hành:**  - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép cộng. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thành phần của phép tính.  27 – 7 = 10  34 – 13 = 21  ……  - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. | -*HS có hứng thú với bài học mới*  - HS nghe GV trình bày thể lệ trò chơi  - HS thực hiện tính nhanh  - HS nghe GV giới thiệu bài mới  *-HS làm được bài tập*  - HS tìm hiểu bài, nhận biết tính hiệu và thực hiện phép tính trừ.  - HS dùng bảng con, thực hiện các phép tính GV giao.  **97**  **6**  **91**  **-**  **78**  **52**  **26**  **-**  **35**  **15**  **20**  **-**  **63**  **20**  **43**  **-**  - HS lên bảng hoàn thành phép tính.  - HS quan sát GV chữa bài, gọi tên từng thành phần của phép tính  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương.  - HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời: Tính nhẩm  - HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV  - HS đọc kết quả các phép tính  - HS lắng nghe nhận xét, tuyên dương.  - HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời  - HS quan sát hình, hoạt động cặp đôi  - HS lắng nghe gợi ý cách làm  - HS xung phong lên bảng điền số còn thiếu.  - HS giải thích cách làm của mình  - HS lắng nghe GV nhận xét  - HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời  - HS lắng nghe GV gợi ý cách làm  - HS làm bài theo mẫu  - HS trình bày  - HS thực hiện  -*HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua hoạt động hỏi nhanh, đáp nhanh.*  -HS gọi tên các thành phần của phép tính.  - HS lắng nghe nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Viết chữ hoa Ă, Â**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Phẩm chất**  **-**Chăm chỉ: Chăm chỉ rèn chữ viết.  -Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn  -Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập  **2. Năng lực**  **a.Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia học tập tốt  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  **b.Năng lực đặc thù**  - Biết viết chữ viết hoa *Ă, Â* cỡ nhỏ.  - Biết cách nối nét từ các chữ hoa *Ă, Â* sang chữ cái đứng liền sau.  - Viết đúng câu ứng dụng: *Ăn chậm nhai kĩ*  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  **GV :**Tranh quy trình, mẫu chữ hoa Ă,Â.  **HS :** vở, bảng con |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.  **Cách tiến hành:**  GV cho HS bắt bài hát  - GV giới trực tiếp vào bài Ngày hôm qua đâu rồi (tiết 3).  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Luyện viết chữ Ă, Â hoa**  **Mục tiêu:** HS biết quy trình viết chữ Ă, Â hoa theo đúng mẫu; viết chữ Ă, Â hoa  **Cách tiến hành:**  - Treo chữ mẫu lên bảng.  - Yêu cầu HS lần lượt so sánh chữ *Ă, Â* hoa với chữ *A* được học ở trong tuần trước.    + Chữ A hoa gồm mấy nét, là những nét nào? Nêu quy trình viết chữ A hoa?  + Dấu phụ của chữ Ă giống hình gì?  - GV yêu cầu HS quan sát mẫu chữ Ă và cho biết vị trí đặt dấu phụ, cách viết dấu phụ. (Dấu phụ đặt giữa các đường ngay nào? Khi viết đặt bút tại điểm nào? Viết nét cong hay nét thẳng, cong đến đâu? Dừng bút ở đâu?)  + Dấu phụ của chữ Â giống hình gì?  - GV yêu cầu HS quan sát mẫu chữ Â và cho biết vị trí đặt dấu phụ, cách viết dấu phụ. (Dấu phụ đặt giữa các đường nganh nào? Khi viết đặt bút tại điểm nào? Viết nét cong hay nét thẳng, cong đến đâu? Dừng bút ở đâu?)  - GV mời vài HS nêu. GV nhận xét.  - GV yêu cầu HS viết chữ *Ă, Â* vào bảng con.  - GV nhận xét.  - GV yêu cầu HS tô và viết chữ *Ă, Â* hoa vào vở.  - Yêu cầu HS tự nhận xét bài viết của mình, bài của bạn.  **Hoạt động 2: Luyện viết câu ứng dụng**  **a. Mục đích:** HS quan sát, phân tích câu ứng dụng Ăn chậm nhai kĩ; nêu được ý nghĩa của câu ứng dụng; HS viết câu ứng dụng Ăn chậm nhai kĩ vào vở Tập viết.  **b.** **Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV yêu cầu 1 HS đọc to câu trong phần Viết ứng dụng  - Em hãy cho biết nghĩa của câu Ăn chậm nhai kĩ.  Câu 1: Câu ứng dụng có mấy tiếng?  Câu 2: Trong câu ứng dụng, có chữ nào phải viết hoa?  - GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp:  + Viết chữ viết hoa Ă đầu câu.  + Cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường: Nét 1 của chữ n tiếp liền với điểm kết thúc nét 3 của chữ viết hoa Ă.  ***Bước 2: Hoạt động cá nhân***  - GV yêu cầu HS viết câu ứng dụng Ăn chậm nhai kĩ vào vở Tập viết.  **Hoạt động 3: Luyện viết thêm**  **Mục tiêu:** HS đọc được và hiểu nghĩa của câu ca dao Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng; viết câu ca dao vào vở Tập viết.  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - Hãy giải thích nghĩa của câu ca dao:  Vậy : Nghĩa sâu xa hơn mà ông bà ta muốn gửi gắm đến con cháu sau này chính là lòng biết ơn. Khi đang hưởng thụ một thành quả tốt đẹp, bạn nên biết ơn người đã tạo ra thành quả đó, bởi thành quả mà chúng ta đang hưởng thụ không phải tự nhiên mà có. Nó là cả một quá trình lao động, sáng tạo, đổ mồ hôi, nước mắt, kể cả xương máu của biết bao lớp người, qua biết bao thế hệ.  - GV hỏi HS: Có bao giờ các em tự hỏi Vì sao các em có được cuộc sống tốt đẹp như ngày hôm nay? Thực tế, đó không chỉ là công sức ngày đêm học tập, rèn luyện sức khỏe, chăm chỉ lao động của các em, mà nó là cả công lao nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ của ông bà, cha mẹ và thầy cô giáo.  ***Bước 2: Hoạt động cá nhân***  - GV yêu cầu HS viết câu ca dao Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng vào vở Tập viết.  **Hoạt động 4: Đánh giá bài viết**  **Mục tiêu:** GV kiểm tra, đánh giá bài viết của HS; HS sửa bài (nếu chưa đúng).  **Cách tiến hành:**  - GV kiểm tra, nhận xét một số bài trên lớp.  - GV yêu cầu HS sửa lại bài viết nếu chưa đúng.  - GV khen ngợi những HS viết đúng, viết đẹp  **C. VẬN DỤNG**  Nêu lại cách viết chữ hoa Ă,Â  Chia sẻ với người thân, gia đình và bạn bè về nội dung bài học  Chuẩn bị tiết sau | HS hát  - HS lắng nghe.  - Quan sát mẫu.  - HS so sánh: *Chữ Ă, Â hoa là chữ A có thêm các dấu phụ.*  + Chữ A hoa gồm 3 nét. Đó là 1 nét lượn từ trái sang phải, nét móc dưới và một nét lượn ngang.  + Hình bán nguyệt.  + Cấu tạo gồm: nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ ngược. Cách viết: Viết như chữ A. Sau đó, lia bút đến đường kẻ ngang 4, viết nét lượn võng và dừng bút bên phải đường kẻ dọc 3.  + Giống hình chiếc nón úp.  + Cấu tạo gồm: nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ. Cách viết: Viết như chữ A. Sau đó, lia bút đến đường kẻ ngang 4, viết nét xiên phải, không nhấc bút viết liền mạch nét xiên trái và dừng bút dưới đường kẻ ngang 4, bên phải đường kẻ dọc 3  - Viết vào bảng con.  - HS nhận xét bài của bạn.  - HS viết vào vở.  - HS chú ý lắng nghe.  -*HS quan sát, phân tích được câu ứng dụng Ăn chậm nhai kĩ; nêu được ý nghĩa của câu ứng dụng; HS viết câu ứng dụng Ăn chậm nhai kĩ vào vở Tập viết*  - HS đọc câu Ăn chậm nhai kĩ.  - Câu nêu ý nghĩa, tác dụng của việc ăn chậm, nhai kĩ sẽ giúp chúng ta tiêu hóa thức ăn dễ dàng hơn, có lợi cho sức khỏe.  Câu 1: Câu ứng dụng có 4 tiếng.  Câu 2: Trong câu ứng dụng, có chữ Ăn phải viết hoa.  - HS quan sát trên bảng lớp.  - HS viết vào vở Tập viết.  *HS đọc được và hiểu nghĩa của câu ca dao Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng; viết câu ca dao vào vở Tập viết.*  + “Quả” được xem là thứ quý giá và thơm ngon nhất của cây. Để có được nó, người nông dân, tức là “kẻ trồng cây” phải mất khá nhiều thời gian để tưới tiêu cũng như bỏ công ngày đêm chăm sóc cho cây. Chính vì thế, khi ăn một “quả” thơm ngon nào đó, bạn chớ vội quên công lao của “kẻ trồng cây” đã nhọc công chăm sóc.   - HS viết vào vở Tập viết.  *-HS ghi nhận lời nhận xét của GV và sửa bài (nếu chưa đúng)*  - HS chú ý lắng nghe.  - HS tự soát lại bài của mình.  -HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Từ chỉ sự vật. Câu kiểu Ai là gì?**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Phẩm chất**  **-** Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập  -Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn  -Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập  **2. Năng lực**  **a.Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  **b.Năng lực đặc thù**  **-** Bước đầu làm quen với từ chỉ sự vật và câu giới thiệu.  - Tìm và đặt câu giới thiệu một bạn cùng lớp, câu kiểu *Ai là gì?*  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**  GV :tranh minh họa, máy tính  HS : vở, SGK |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.  **Cách thức tiến hành:**  GV cho HS bắt bài hát  - GV giới trực tiếp vào bài Ngày hôm qua đâu rồi (tiết 4).  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Luyện từ**  **Mục tiêu:** HS quan sát tranh, tìm được từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối) phù hợp với từng tranh; HS tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật ngoài bài tập.  **Cách tiến hành**  - GV giới thiệu yêu cầu của bài tập 3.  - Cho quan sát tranh và đặt câu hỏi:  + *Có bao nhiêu bức tranh?*  *+ Trong tranh là gì?*  - GV mời vài HS nêu. GV nhận xét.  - GV làm mẫu tranh 1.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc mẫu, thảo luận nhóm nhỏ để tìm từ ngữ phù hợp với từng tranh. GV lưu ý: Mỗi tranh HS có thể nói các từ ngữ khác nhau. VD: Tranh 2: *bạn nam, bạn nữ/ đôi bạn,*…  - GV mời HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét.  - GV yêu cầu HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối.  **Hoạt động 2: Nhận diện câu giới thiệu**  **Mục tiêu:** HS biết thế nào là câu giới thiệu, HS nhận diện được câu giới thiệu để làm Bài tập 4a.  **Cách tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 4a và các đáp án.  - GV giải thích thêm: Câu giới thiệu là câu được dùng để cho biết một vài điều cần thiết, như họ tên, nghề nghiệp, chức vụ, quan hệ,… của bản thân hoặc một người nào đó.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, chọn đáp án đúng.  - GV mời vài HS nêu và giải thích lí do chọn đáp án.  - GV nhận xét.  **Hoạt động 3: Đặt câu giới thiệu**  **Mục tiêu:** HS quan sát câu mẫu, đặt được câu giới thiệu về 1 bạn học cùng lớp; viết vào vở bài tập 1-2 câu giới thiệu về bạn học cùng lớp.  **Cách thức tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 4b, quan sát câu mẫu.  - GV yêu cầu HS đặt câu theo yêu cầu bài tập trong nhóm nhỏ.  - GV cho HS chơi trò chơi ***Truyền hoa*** để nói miệng câu vừa đặt.  - GV nhận xét câu.  - GV cho HS viết vào vở 1 – 2 câu giới thiệu một bạn cùng lớp.  **C. VẬN DỤNG**  **Mục tiêu:** HS trao đổi với bạn bè hoặc người thân những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần; HS nói trước lớp hoặc thực hoặc trao đổi với người thân ở nhà.  **Cách tiến hành:**  - GV gọi vài HS đọc yêu cầu Trao đổi với bạn hoặc người thân những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.  - GV hướng dẫn HS những nội dung có thể trao đổi với bạn bè hoặc người thân:  + Những việc em thường làm vào cuối tuần và thời gian em làm mỗi việc.  + Những khoảng thời gian trống.  + Những việc em nên làm vào những khoảng thời gian trống.  - GV cho HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ ở lớp hoặc trao đổi với người thân ở nhà.  - GV mời vài HS nói trước lớp.  - GV nhận xét cách em sử dụng thời gian cuối tuần.  Hãy nêu một- hai câu giới thiệu về gia đình mình ?  Chia sẻ với người thân, gia đình và bạn bè về nội dung bài học  Chuẩn bị tiết sau | *-HS có hứng thú vào bài mới*  HS hát  ***-*** *HS quan sát tranh, tìm được từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối) phù hợp với từng tranh và tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật ngoài bài*  - HS nghe.  - HS trả lời: *Có 8 bức tranh, trong tranh là người, đồ vật, con vật, cây cối,…*  - HS chú ý lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm, trình bày trước lớp, HS khác nhận xét.  *1. Cô giáo*  *2. Bạn bè*  *3. Sách*  *4. Bút*  *5. Con mèo*  *6. Con trâu*  *7. Cây dừa*  *8. Cây cam*  - HS thực hiện yêu cầu của GV.  *HS biết thế nào là câu giới thiệu, HS nhận diện được câu giới thiệu để làm Bài tập 4a.*  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS làm việc theo nhóm đôi.  - HS chọn *Em là học sinh lớp Hai* và giải thích lí do.  - HS chú ý lắng nghe.  -*HS quan sát câu mẫu, đặt được câu giới thiệu về 1 bạn học cùng lớp; viết vào vở bài tập 1-2 câu giới thiệu về bạn học cùng lớp.*  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hành theo nhóm.  - HS thực hành nói trước lớp bằng cách chơi trò chơi. *Bạn Hưng là lớp trưởng lớp em.*  - HS thực hành viết vào vở.  - HS đọc yêu cầu.  - HS trao đổi trong nhóm.  - Vài HS chia sẻ.  - HS chú ý lắng nghe.  Hs nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Anh ( cô Nguyệt dạy)**

**………………………………………….**

**Chiều**

**Tự Nhiên & Xã Hội**

**Nghề nghiệp của người thân trong gia đình (Tiết 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

- **Chăm chỉ:** Yêu thích lao động.

**- Trung thực:** Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.

**- Trách nhiệm:** Có ý thức tự giáctrong học tập , trong lao động.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

**- Năng lực tự chủ và tự học:** Tích cực tham gia học tập, biết xử lý các tình huống và liên hệ bản thân.

**- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập. Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của thầy cô.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** đưa ra ý kiến, phân tích và ra quyết định để giải quyết tình huống trong bài học. Mô tả được mốt số nghề nghiệp.

**b. Năng lực đặc thù:**

* Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.
* Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương.

- Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này

**II.** **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Bài hát, tranh tình huống, giấy A0.

HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** *Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về nghề phi công. Từ đó dẫn dắt vào bài học mới.*  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS cùng hát một bài hát về nghề nghiệp :Anh phi công ơi  - HS trả lời câu hỏi: Bài hát nói đến nghề nào? Em biết gì về nghề đó?   * GV mời 2 - 3 HS trả lời. * GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: “Nghề nghiệp của người thân trong gia đình”.   - GV ghi tựa bài lên bảng, HS nhắc lại.  **B. KHÁM PHÁ**  **Hoạt động 1: Quan sát hình và thảo luận**  **Mục tiêu:** HS nêu được một số nghề nghiệp.  **Cách tiến hành**   * GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2, 3 trong SGK trang 12 và trả lời câu hỏi: Bố và mẹ Lan làm nghề gì? Nói về ý nghĩa của nghề đó?      * GV và HS nhận xét và cùng rút ra kết luận. * ***Kết luận:*** Bố Lan làm thợ điện, mẹ Lan làm thợ may. Các chú, bác thợ điện giúp lắp đặt, sữa chữa,... đường dây điện để chúng ta có điện sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày; Cô, bác thợ may giúp chúng ta có quần áo để mặc, góp phần làm đẹp cho mọi người.   **Hoạt động 2: Quan sát hình và làm việc cặp đôi**  **Mục tiêu:** HS đặt được câu hỏi để tìm hiểu tên và ý nghĩa của một số công việc, nghề nghiệp xung quanh.  **Cách tiến hành**   * GV treo các hình 4, 5, 6, 7, 8, 9 trong SGK trang 13 (hình phóng to) hoặc trình chiếu hình và yêu cầu của hoạt động lên bảng.      * HS thảo luận nhóm đôi, hỏi - đáp theo các câu hỏi:   + Người trong hình làm nghề gì?  + Công việc của họ có ý nghĩa như thế nào với mọi người xung quanh?   * GV mời 2 đến 3 nhóm HS lên trước lớp chỉ hình và hỏi - đáp trước lớp.   ***Kết luận:*** Mỗi nghề nghiệp đều mang lại những lợi ích khác nhau cho gia đình và xã hội xung quanh.  **Hoạt động 3: Thực hành liên hệ bản thân**  **Mục tiêu:** HS liên hệ được nghề nghiệp của những người thân trong gia đình.  **Cách tiến hành:**   * HS hỏi - đáp nhau theo các câu hỏi: Kể về công việc của những người thân trong gia đình bạn? Bạn biết gì về những công việc đó? * GV mời các cặp HS lên hỏi - đáp trước lớp. * ***Kết luận:*** Có rất nhiều nghề nghiệp khác nhau. Mỗi công việc, nghề nghiệp đều mang lại những lợi ích cho gia đình và cho xã hội.   GV dẫn dắt để HS đọc được nội dung trọng tâm bài học  **C. VẬN DỤNG**  GV yêu cầu HS về nhà chuẩn bị:  + Sưu tầm tranh, ảnh trên sách, báo,. về những công việc, nghề nghiệp xung quanh.  + Tranh vẽ hoặc ảnh chụp nghề nghiệp của một người thân trong gia đình em.  - GV nhận xét tiết học. | *-HS có hứng thú vào bài mới*  - Cả lớp hát bài hát  - *Bài hát nói đến nghề phi công.*  *- HS chia sẻ về nghề phi công*  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại tựa bài.  *-HS nêu được một số nghề nghiệp.*  - HS quan sát hình trả lời  *+ Bố Lan làm thợ điện, mẹ Lan làm thợ may.*  *+ Các chú, bác thợ điện giúp lắp đặt, sữa chữa,... đường dây điện để có điện sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày.*  *+ Bác thợ may giúp mình có quần áo để mặc.*  - HS tham gia nhận xét.  - HS lắng nghe kết luận.  -*HS đặt được câu hỏi để tìm hiểu tên và ý nghĩa của một số công việc, nghề nghiệp xung quanh.*  - HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi  + *Họ là bác sĩ, nhân viên dọn vệ sinh, tiếp viên hàng không, công nhân, lính cứu hỏa*  + *Bác sĩ khám chữa bệnh cho mọi người; nhân viên vệ sinh dọn sạch xung quanh, tiếp viên hàng không đảm bảo an toàn, thoải mái cho hành khách trên chuyến bay;* *công nhân tạo ra các sản phẩm tiêu dùng hằng ngày; lính cứu hỏa dập tắt những đám cháy, tránh thiệt hại về người và tài sản.*  - HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS lắng nghe kết luận.  -*HS liên hệ được nghề nghiệp của những người thân trong gia đình.*  - HS đọc yêu cầu.  - HS lên hỏi – đáp, chia sẻ trước lớp  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  - HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Rèn Toán**

**Số bị trừ- Số trừ- Hiệu**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phẩm chất**:

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ trong học tập

**2.Năng lực**

**a.Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Hợp tác với bạn hoàn thành các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề: vận dụng sáng tạo những kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập trong bài, ứng dụng tốt trong cuộc sống

**bNăng lực đặc thù**

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ

- Ôn tập phép trừ trong phạm vi 10, 100.

**Tích hợp**: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.

**-** HS:Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động.**  **Mục tiêu:** HS phấn khởi, tích cực chủ động trước tiết học  **Cách tiến hành** | | |
| - Trò chơi “Ai nhanh nhất?”  - GV giới thiệu, ghi tựa: Số trừ, số bị trừ, hiệu | - HS cả lớp thực hiện trò chơi.  - HS nhắc tựa |
| **2.Luyện tập, thực hành. 30’**  **Mục tiêu:** HS hoàn thành các BT ôn tập về số bị trừ, số trừ, hiệu  **Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 5**  - GV giới thiệu BT  - HDHS tìm tổng là lấy 2 số đã cho cộng lại  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương  - KL: Củng cố tính chất của phép tính cộng | - HS đọc YCBT  - HS lắng nghe  - HS thực hiện CN VBT  KQ: 33, 39, 43, 61  - HS đọc KQ  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 6**  - GV giới thiệu BT  - HDHS thực hiện các phép tính để giúp cún về nhà  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nêu YCBT  - HS lắng nghe  - HS thực hiện CN: 57, 42, 0  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 7**  - GV giới thiệu BT  - HDHS đếm và điền số gà  - HDHS viết 2 phép tính cộng bằng cách áp dụng tính chất đổi vị trí của các số hạng, 2 phép tính trừ bằng cách đổi vị trí số trừ và hiệu  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học  - Xem bài: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu | - HS nêu YCBT  - HS lắng nghe  - HS thực hiện CN: 12, 5, 17  - HS lắng nghe  - HS thực hiện CN vào VBT 3’  12 + 5 = 17  5+ 12 = 17  17 – 5 = 12  17 – 12 = 5  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **3.Vận dụng, trải nghiệm: 5’**  **Mục tiêu:** củng cố nội dung Ôn tập các số đến 100, chuẩn bị bài sau  **Cách tiến hành:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi: Truyền điện  - GV nhận xét, tuyên dương  - Dặn HS chuẩn bị bài Em làm được những gì?  **-** GV nhận xét tiết học | - HS thi đua cá nhân tìm số bị trừ-số trừ  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe  - HS nhận xét tiết học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Rèn Tiếng Việt**

**Luyện viết chữ hoa A**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện chữ viết.

- Phẩm chất trách nhiệm: có ý thức tự giác học tập.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: HS tích cực tham gia luyện viết.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biêt sử dụng kiến thức đã học vào thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ học tập.

***3. Năng lực đặc thù:***

- Luyện viết đúng chữ hoa Ă, Â viết đúng mẫu, trình bày đúng, đẹp.

- Luyện viết đúng câu ca dao.

- Củng cố kỹ năng viết sạch, đẹp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**GV**: Giáo án, bảng phụ.

**HS :** SGK, vở tập viết...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh.  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS bắt nhịp bài hát  - GV giới thiệu bài.  - GV ghi bảng tên bài. | * HS hát |
| **B. THỰC HÀNH:**  **Hoạt động1: Luyện viết chữ hoa: A**  ***Mục tiêu:*** HS viết đúng mẫu chữ, luyện tính cẩn thận.  **Cách tiến hành:**    - GV hướng dẫn HS quan sát mẫu chữ Ahoa.  - GV yêu cầu HS xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ A hoa. - GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ă, Â hoa.  - GV yêu cầu HS nêu quy trình chữ hoa - GV yêu cầu HS viết chữ hoa vào bảng con. - GV yêu cầu HS viết chữ hoa vào vở.  **Hoạt động 2: Luyện viết thêm:**  **Mục tiêu*: giúp*** *HS viết đúng mẫu chữ A đọc, viết và hiểu câu ứng dụng.*  **Cách tiến hành:**- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:  Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng  - GV yêu cầu HS viết chữ Ă, Âhoa và câu ứng dụng vào vở.  **\* HS VT:** Viết 2 lần câu ca dao.  **Hoạt động 3: Đánh giá bài viết:**  ***Mục tiêu:*** *GV kiểm tra, đánh giá bài viết của HS .*  ***Cách tiến hành:*** - GV yêu HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn. - GV nhận xét một số bài viết. | - HS quan sát mẫu chữ Ă, Â  - HS xác định.  - HS quan sát GV viết mẫu  - HS nêu quy trình viết chữ hoa. - HS viết chữ bảng con.  - HS viết chữ hoa vào vở.  - HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao  - HS viết chữ hoa và câu ca dao vào vở.  - HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn. |
| **C. CỦNG CỐ - VẬN DỤNG:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn học sinh về nhà luyện viết lại chữ hoa vừa viết và câu ứng dụng. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**………………………………………..**

**Thứ Tư, ngày 14 tháng 9 năm 2022**

**Mĩ thuật (cô Dung dạy)**

**…………………………………………………..**

**Toán**

**Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu ĐỂ ĐÂY**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết được nhiều hơn, ít hơn

- Vận dụng GQVĐ liên quan: Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

**2. Năng lực**

***a* Năng lực chung**:

- **Năng lực tự chủ và tự học**: Tự làm được các bài tập cá nhân

- **Năng lực giao tiếp, hợp tác** Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***b.*Năng lực riêng*:*** Giải quyết được các vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.

**3. Phẩm chất:**

**- Yêu nước:** Kính trọng mọi người.

**- Nhân ái:** Biết chia sẻ với bạn bè.

**- Chăm chỉ:** Hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**- Trung Thực:** Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực.

**- Trách nhiệm**: có ý thức giữ gìn về sinh.

\* Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Giáo án, SGK, SGV.

- 20 khối lập phương

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

HS: SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS quan sát tranh:    *+ Bạn nào có nhiều kẹo hơn? Nhiều hơn bao nhiêu cái?*  - GV đặt vấn đề: Có thể dùng đồ dùng học tập để thể hiện số kẹo của mỗi bạn. Từ đó dẫn dắt HS vào tìm hiểu bài mới  **B. KHÁM PHÁ:**  **Mục tiêu:** HS nhận biết được nhiều hơn, ít hơn  **Cách tiến hành:**  **Bước 1: Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn**  - GV yêu cầu HS dùng kinh nghiệm của cuộc sống, chưa cần giải thích:  + Sử dụng đồ dùng dạy học thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch  + Quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn để nhận biết số kẹo chênh lệch của bạn trai và bạn gái  - GV dùng đồ dùng dạy học khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn:  + Số kẹo bạn trai là số bé (6).  + Số kẹo bạn gái là số lớn (9).  + Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chinh là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch).  + GV đặt câu hỏi: *Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiều?*  - GV chỉ vào từng thành phần của phép tính, cho HS nói.  **Bước 2: Thực hành**  - GV cho HS hoạt động nhóm đôi thực hiện các bài tập 1, 2  **Bài 1:**    GV cho HS sử dụng đồ dùng học tập, mỗi nhóm lấy số khối lập phương tùy ý, miễn là đảm bảo yeu cầu của bài để thể hiện bạn trai có nhiều hơn bạn gái 2 kẹo  **Bài 2:**  - GV hướng dẫn mẫu, yêu cầu HS nhận biết việc cần làm  + Quan sát hình ảnh.  Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch.  + Thực hiện phép tỉnh để tìm phần chênh lệch.  + Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận.  - GV yêu cầu HS bắt cặp với bạn bên cạnh viết phép tính phần a), b) tương tự theo mẫu:    **C. VẬN DỤNG:**  **Mục tiêu:** HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”  **Cách tiến hành:**  - GV phổ biến luận chơi:  + GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kéo. HS theo nhóm đôi viết phép tính vào bảng con, nhóm nào viết xong trước thì chạy lên đứng trước lớp, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:  \* Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.  \* Kẹo ít hơn bánh 7 cái.  - GV cho HS bắt cặp theo bàn, tổ chức cho HS chơi trò chơi  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện nhanh nhất, đúng nhất | -*HS có hứng thú với bài học mới*  - HS quan sát tranh, lắng nghe câu hỏi của GV  - HS nghe GV giới thiệu bài mới  *HS nhận biết được nhiều hơn, ít hơn*  - HS sử dụng ĐDDH để thể hiện    + HS quan sát ảnh nhận biết:   * Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo * Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo   - HS lắng nghe GV  - HS viết ra bảng con: 9 – 6 = 3 (tìm phần chênh lệch)  - HS nói:   * Ban gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo. * Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo.   - HS thực hiện theo nhóm đôi, lấy số khối lập phương để thể hiện  - HS quan sát mẫu, lắng nghe GV hướng dẫn, nhận biết việc cần làm  - HS thảo luận nhóm đôi viết các phép tính  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi  *HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”*  - HS cả lớp tham gia trò chơi  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bìa 4 Út Tin**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập

-Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn

-Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**b.Năng lực đặc thù**

-Nói về những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc*; biết liên hệ bản thân: *tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu*.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV :**Tranh minh họa, máy tính

**HS :** vở, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản hẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.  **Cách thức tiến hành:**  - GV mời vài HS đặt câu giới thiệu một bạn cùng lớp với câu kiểu *Ai là gì?*  - GV gọi vài HS trình bày, HS khác nhận xét.  - GV nhận xét.  - GV mời 2 HS trả lời câu hỏi: *Bạn trong câu vừa nêu có điểm đáng yêu gì?*  - GV hướng dẫn thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: *Nói những điểm đáng yêu ở một người bạn của em.*  - GV gọi vài HS nêu.  - GV nhận xét.  *-* GV dẫn dắt vào bài học, ghi tên bài lên bảng.  - GV yêu cầu HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi, điểm đáng yêu của nhân vật,…  **B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP**  ***Hoạt động.1. Luyện đọc thành tiếng***  **Mục tiêu:** HS đọc bài Út Tin SHS trang 21 với giọng đọc thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin.  ***Cách tiến hành***  - GV đọc mẫu toàn bài: giọng thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin sau khi cắt tóc. Hai câu cuối giọng vui, tự hào vì Út Tin đã lớn hơn.  - GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: xén, lém lỉnh, trêu,…;  Hướng dẫn cách ngắt nghỉ câu dài: Tôi thấy như/ có trăm vì sao bé tí/ cùng trốn trong mắt em. //; Hai má phúng phính/ bỗng thành cái bánh sữa/ có rắc thêm mấy hạt mè. //;…  - GV chia đoạn: 3 đoạn  + Đoạn 1: từ đầu đến …gọn gàng.  + Đoạn 2: từ Quanh hai tai…đến …trong mắt em.  + Đoạn 3: đoạn còn lại.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ.  - GV gọi HS đọc nối tiếp từng đoạn. Chú ý quan sát, hỗ trợ HS, giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.  *-* GV mời 2 HS đọc lại toàn bộ bài.  - GV nhận xét, chốt ý.  **Hoạt động 2: Luyện đọc hiểu**  **Mục tiêu**: HS giải nghĩa được một số từ khó; đọc thầm lại bài đọc; trả lời câu hỏi trong SHS; nêu được nội dung bài học, liên hệ bản thân.  **Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  **-** GV hướng dẫn HS giải nghĩa của một số từ khó:  + Vệt: hình dài nổi rõ trên bề mặt một vật, do tác động của một vật khác đi qua.  + Dô: lồi lên cao hoặc nhô ra phía trước quá mức bình thường.  + Lém lỉnh: tỏ ra tinh khôn.  + Hếch: chếch lên phía trên.  + Hệt: giống đến mức trông không khác một chút nào.  + Phúng phính: béo, căng tròn, thường dùng gợi tả mặt, má của trẻ em.  + Béo: véo.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, trả lời các câu hỏi trong phần Cùng tìm hiểu SHS trang 22.  1. Sau khi cắt tóc, gương mặt Út Tin như thế nào?  2. Đôi mắt của Út Tin có gì đẹp?  3. Vì sao tác giả nghĩ Út Tin không thích bị bẹo má?  4. Nói về một vài thay đổi của em khi lên lớp Hai.  Hãy nêu nội dung bài  **Vậy Út Tin rất đáng yêu sau khi cắt tóc.**  ***Hoạt động 3. Luyện đọc lại***  **Mục tiêu:** HS luyện đọc bài Út Tin.  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.  - GV đọc lại đoạn từ Quanh hai tai đến trong mắt em.  - GV cho HS luyện đọc trong nhóm đoạn từ Quanh hai tai đến trong mắt em.  - GV gọi vài HS đọc lại đoạn. GV nhận xét.  - GV cho HS nêu nội dung bài đọc: Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc.  - GV yêu cầu HS liên hệ bản thân: cần tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.  **C. VẬN DỤNG**  - GV hỏi: Hôm nay, em đã học những nội dung gì? Em rút ra được bài học gì từ bài đọc?  - Gọi 2 HS đọc lại toàn bài.  - Yêu cầu HS luyện đọc thêm ở nhà, chuẩn bị bài cho tiết học sau.  - Nhận xét giờ học. | -HS có hứng thú học tập  - HS đặt câu:  + *Bạn Hoa là lớp trưởng.*  *+ Bạn An là học sinh giỏi.*  - Vài HS trình bày. HS khác nhận xét.  - HS làm việc nhóm đôi.  *+ Hoa cười rất xinh.*  *+ Minh luôn hòa đồng và vui tính.*  *+ Linh có má lúm đồng tiền.*  - HS chú ý lắng nghe.  - Vài HS đọc tên bài học.  - HS quan sát tranh, đoán nội dung bài học.  -HS đọc bài Út Tin SHS trang 21 với giọng đọc thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin.  - HS nghe GV đọc mẫu.  - HS luyện đọc từ khó theo cặp.  xén, lém lỉnh, trêu  - HS luyện đọc nối tiếp trong nhóm 3.  - 3 HS đọc nối tiếp. HS khác nhận xét.  - 2 HS đọc lại toàn bộ bài.  - HS chú ý lắng nghe.  -  *HS giải nghĩa được một số từ khó; đọc thầm lại bài đọc; trả lời câu hỏi trong SHS; nêu được nội dung bài học, liên hệ bản thân*.  HS lắng nghe    - HS thảo luận theo cặp tìm câu trả lời.  1. Sau khi cắt tóc, gương mặt Út Tin: trông lém lỉnh hẳn.  2. Đôi mắt của Út Tin: hệt như vì sao đang cười.  3. Tác giả nghĩ Út Tin không thích bị bẹo má vì mai Út Tin là học sinh lớp Hai rồi.  4. Nói về một vài thay đổi của em khi lên lớp Hai: Em cao hơn, biết tự giác giúp đỡ bố mẹ việc nhà.  HS trả lời: Nội dung của bài học nói về nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc.  - HS trả lời, HS khác nhận xét.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS luyện đọc trong nhóm.  - Vài HS đọc lại đoạn.  - Vài HS nêu nội dung bài.  - HS liên hệ bản thân.  - HS nêu.  - 2 HS đọc.  - HS nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**GDTC ( cô Tiên dạy)**

**…………………..**

**Rèn Tiếng Việt**

# **Út Tin**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phẩm chất**

- Bồi dưỡng sự chăm chỉ, tính tự giác, trách nhiệm.

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết sắp xếp được thời gian biểu của bản thân

**b.Năng lực đặc thù:**

- Nói được những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Nét đáng yêu của Út Tín san khi cắt tóc; biết liên hệ bản thân: tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người, giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.

- Nhìn - viết đúng đoạn thơ; làm quen với tên gọi của một số chữ cái; phân biệt g/gh.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV : Bảng tên chữ cái hoàn thiện.

- HS : SHS.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động.**  **Mục tiêu:** HS phấn khởi, tích cực chủ động trước tiết học  **Cách tiến hành** | |
| - Tổ chức HS thi đọc  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV giới thiệu, ghi tựa: Út Tin | - HS thi đua đọc 1 đoạn tự chọn bài Út Tin  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe, nhắc tựa |
| |  | | --- | | **2.Hoạt động Luyện tập thực hành.**  **Mục tiêu:** HS luyện đọc lại bài đọc, hiểu nội dung bài. Hoàn thành các bài tập trong VBT  **Cách tiến hành** | | |
| **HĐ 1: Luyện đọc: Út tin. 15’**  - YCHS mở SGK bài Bé Mai đã lớn  - YCHS đọc nối tiếp đoạn  - YCHS đọc bài  - YCHS trả lời lại câu hỏi của bài  - Nhận xét, tuyên dương | - HS mở SGK/26  - HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 4’  - HS đọc nối tiếp đoạn trước lớp  - HS đọc bài trước lớp CN-ĐT |
| **HĐ 2: Hoàn thành VBT. 15’**  **Bài 1.Nhìn viết: Ngày hôm qua đâu rồi?**  - GV giới thiệu đoạn văn viết  - HDHS viết từ khó  - GV đọc  Theo dõi HDHS còn chậm  - Thu VBT, nhận xét, tuyên dương | - HS đọc đoạn văn  - HS viết BC  - HS thực hiện viết VBT 8’  - HS đổi VBT soát lỗi |
| **Bài 2. Điền chữ cái**  - GV giới thiệu BT  - YCHS đọc bảng chữ cái đã cho  Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương  - Thu VBT, nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS đọc CN  - HS viết vào VBT 3’  - HS đọc bảng chữ cái hoàn thiện: g, h, i, k, l, m, n, o, ô, ơ |
| **Bài 3.Điền g/gh**  - GV giới thiệu BT  - YCHS nêu lại quy tắc chính tả g/gh  - Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương, LHGD thời gian | - HS đọc YCBT  - HS nêu CN  - HS làm VBT 3’  - Đổi VBT soát lỗi  - Đọc BT |

**…………………………..**

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Hoạt động trải nghiệm**

# **CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU**

***- Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề:***

*+ Tìm hiểu những việc làm để xây dựng hình ảnh của bản thân*

*+ Đề xuất những việc làm để xây dựng hình ảnh của bản thân*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: Thể hiện trong lao động, nề nếp, gọn gàng trong sinh hoạt và học tập

- Phẩm chất nhân ái: Vui vẻ, thân thiện với các bạn khi trở lại trường học, hợp tác, chia sử với bạn khi tham gia công việc chung của trường, lớp.

**2. Năng lực:**

***a.Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***b.Năng lực đặc thù:***

- Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp

- Nhận diện hình ảnh thân thiện, vui vẻ của bản thân

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-GV:SGK Hoạt động trải nghiệm 2;SGV Hoạt động trải nghiệm 2

Bảng phụ hoặc giấy A3, giấy A4 hoặc mẫu sơ đồ tư duy để HS lập danh sách các việc làm đề xây dựng hình ảnh bản thân, mẫu bảng tự theo dõi việc làm của bản thân, một số món quà/sản phẩm mẫu cho HS quan sát, Phiếu đánh giá.

-HS: SGK Hoạt động trải nghiệm 2, giấy bìa màu, bút chì, bút màu, thước kẻ, hồ dán,...

- Cuối mỗi tiết hoạt động, GV nên nhắc nhở lại những điều HS cần chuẩn bị cho tiết hoạt động sau.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu những việc làm để xây dựng hình ảnh của bản thân**  **Mục tiêu:** HS thực hiện những việc làm để xây dựng hình ảnh của bản thân.  **Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu một HS đọc nhiệm vụ hoạt động 3 trong SGK Hoạt động trải nghiệm 2 trang 8 cho cả lớp nghe và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ của HS.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, trao đổi với bạn dựa theo gợi ý của bốn tranh và nêu những việc làm mình có thể thực hiện để xây dựng hình ảnh của bản thân.      Gợi ý nội dung tranh:  + Tranh 1: Chăm tập thể dục, thể thao hoặc chơi một môn thể thao vừa sức.  + Tranh 2: Chăm chỉ học tập và rèn luyện, tự học và tự mình vượt qua những khó khăn trong học tập và rèn luyện.  + Tranh 3: Thân thiện, hoà đồng với bạn bè, nhường nhịn, chia sẻ với bạn trong vui chơi và giao tiếp hằng ngày.  + Tranh 4: Tích cực rèn luyện bản thân, có trách nhiệm với bản thân, thể hiện sự tôn trọng mình và tôn trọng người khác, biết nhận lỗi và sửa lỗi.  - GV gọi 4 – 5 HS chia sẻ trước lớp về những việc các em cần làm để xây dựng hình ảnh bản thân.  - GV yêu cầu HS về nhà thực hiện những việc làm để xây dựng hình ảnh bản thân như các em đã chia sẻ trong nhóm/trước lớp.  - GV tổng kết hoạt động.  **Hoạt động 2: Để xuất những việc làm để xây dựng hình ảnh bản thân**  **Mục tiêu:** HS đưa ra những việc làm để xây dựng hình ảnh bản thân  **Cách tiến hành:**  - GV y/c HS đọc nhiệm vụHĐ 4 trong SGK Hoạt động trải nghiệm 2 trang 9 cho cả lớp nghe và kiểm tra HS đã hiểu nhiệm vụ chưa.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, suy nghĩ về những việc HS có thể làm để xây dựng hình ảnh bản thân theo bốn gợi ý ở sơ đổ trong SGK Hoạt động trải nghiệm 2 trang 9.  - GV có thể gợi ý HS viết các ý tưởng vào giấy nháp.    - GV gọi một số HS chia sẻ trước lớp.  **Hoạt động 3: Luyện tập – vận dụng**  **Mục tiêu:** HS liên hệ với bản thân, chia sẻ việc làm của mình trước lớp.  **Cách tiến hành:**  - GV yêu cầu mỗi HS chuẩn bị một tờ giấy trắng khổ A4 để vẽ sơ đồ tư duy theo mẫu gợi ý trong SGK. GV có thể hỗ trợ HS nếu như các em chưa tự vẽ được sơ đồ tư duy bằng cách cung cấp cho HS bản mẫu.  - GV yêu cầu HS chia sẻ theo cặp về những việc đã làm đê xây dựng hình ảnh bản thân mà em đã lập.  - Gọi một số HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. | *-HS thực hiện những việc làm để xây dựng hình ảnh của bản thân.*  - HS đọc nhiệm vụ hoạt động 3 trogn SGK.  - HS thảo luận nhóm đôi và dựa vào gợi ý trong tranh để đưa ra các việc làm xây dựng hình ảnh bản thân.  - Một số HS chia sẻ trước lớp.  + Chăm tập thể dục, thể thao  + Chăm chỉ học tập và rèn luyện, tự học, tìm cách giải bài tập khó.  + Hoà đồng với bạn bè, nhường nhịn, chia sẻ với bạn trong vui chơi và giao tiếp hằng ngày.  + Tích cực rèn luyện bản thân, biết nhận lỗi và sửa lỗi.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS thực hiện những việc làm đó ở nhà để xây dựng hình ảnh bản thân.  *-HS đưa ra những việc làm để xây dựng hình ảnh bản thân*  - HS đọc hiểu nhiệm vụ 4 trong SGK.  -HS suy nghĩ về những làm để xây dựng hình ảnh bản thân theo bốn gợi ý ở sơ đổ trong SGK  - HS viết những việc làm ra giấy nháp:  + Rèn luyện thân thể:   * Đi ngủ đúng giờ * Tập thể dục hằng ngày * Đi bơi * Đạp xe đạp * Đi bộ * Chơi cầu lông với bố * Ngủ dậy sớm   + Chăm chỉ học tập:   * Hăng hái phát biểu * Hoàn thành bài tập/nhiệm vụ được giao * Tích cực trong hoạt động nhóm * Tự giác học bài   + Thân thiện với mọi người:   * Vui vẻ với bạn bè * Khen ngợi bạn khi bạn làm tốt * Giúp đỡ bạn bè, người thân   + Có trách nhiệm:   * Giữ lời hứa * Nhận lỗi và sửa lỗi * Coi trọng thời gian   *-HS liên hệ với bản thân, chia sẻ việc làm của mình trước lớp.*  -HS vẽ và hoàn thành sơ đồ tư duy theo mầu:    - HS chia sẻ trước lớp. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**…………………………**

**Thứ Năm, ngày 15 tháng 9 năm 2022**

**Toán**

**Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu (tiết 2)**

I/ **Yêu cầu cần đạt:**

1. **Phẩm chất**:

- Bồi dưỡng kĩ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.

2. **Năng lực :**

**a.Năng lực chung:**

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

**b. Năng lực đặc thù:**

+ Nhận biết nhiều hơn, ít hơn

+ Vận dụng GQVĐ liên quan: Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

\* Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV: Giáo án, SGK, SGV.

- 20 khối lập phương

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

-HS: SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC:**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - GV nêu bài toán. An có 12 cái kẹo, Bình có 6 cái kẹo. Hỏi An nhiều hơn Bình bao nhiêu cái kẹo?  *+ Bạn nào có nhiều kẹo hơn? Nhiều hơn bao nhiêu cái? Muốn biết thì ta phải làm như thế nào?*  - GV đặt vấn đề: Có thể dùng đồ dùng học tập để thể hiện số kẹo của mỗi bạn. Từ đó dẫn dắt HS vào tìm hiểu bài mới  **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại cách tìm hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị  **Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1***  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để nhận biết yêu cầu của bài toán  - GV sử dụng phương pháp mảnh ghép tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b  - GV chữa bài cho các em, GV khuyến khích nhiều nhóm HS nói  - GV tuyên dương, khen ngợi các nhóm làm đúng  - GV mở rộng: cách nóii về tuổi có thể dùng từ “lớn hơn ... tuổi” hoặc “nhỏ/ bé hơn... tuổi”.  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm, hoàn thành BT2***  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rời làm tính trừ (10 em — 6 em = 4 em).  - GV cho HS thực hiện theo nhóm đôi tiến hành đo độ dài mỗi băng giấy và viết kết quả  - GV gọi các nhóm trình bày, giúp đỡ các em giải thích từng bước làm  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện đúng  **C. VẬN DỤNG:**  **Mục tiêu:** HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”  **Cách tiến hành:**  - GV phổ biến luận chơi:  + GV nói: 18 cái bánh, 11 cái kẹo. HS theo nhóm đôi viết phép tính vào bảng con, nhóm nào viết xong trước thì chạy lên đứng trước lớp, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:  \* Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.  \* Kẹo ít hơn bánh 7 cái.  - GV cho HS bắt cặp theo bàn, tổ chức cho HS chơi trò chơi  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện nhanh nhất, đúng nhất | -*HS hứng thú vào bài mới*  - Hs lắng nghe câu hỏi của GV  - HS nghe GV giới thiệu bài mới  *-HS làm được bài tập*  - HS thảo luận nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch.  - HS thảo luận nhóm làm câu a, b  - HS nói kết quả  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương.  - HS lắng nghe, ghi nhớ  - HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết nhiệm vụ cần làm  - HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV  - Các nhóm HS trình bày kết quả và các bước làm của nhóm mình  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương  -*HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”*  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi  - HS cả lớp tham gia trò chơi  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Anh ( cô Nguyệt dạy)**

**……………………………..**

**Tiếng Việt**

**MRVT Trẻ em ( tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

**-** Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập

-Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn

-Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**b.Năng lực đặc thù**

- Mở rộng vốn từ về trẻ em (từ ngữ có tiếng *sách, học*);

- Đặt câu với từ ngữ tìm được.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV**:**Tranh minh họa, máy tính

HS **:** Vở, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.  **Cách tiến hành:**  Giáo viên tổ chức cho lớp hát  - GV giới trực tiếp vào bài Út Tin (tiết 3).  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Luyện từ**  **Mục tiêu:** HS quan sát mẫu câu, tìm được các từ có tiếng sách, học; giải nghĩa các từ vừa tìm được.  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV mời 1HS đọc yêu cầu Bài tập 3: Tìm các từ ngữ:  a. Có tiếng sách M: sách vở.  b. Có tiếng học M: học bài.  - GV hướng dẫn HS quan sát mẫu và tìm các từ ngữ có tiếng sách, học.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu mỗi HS tìm 2 từ cho mỗi nhóm từ có tiếng học và tiếng sách, ghi vào thẻ từ.  - GV mời đại diện 2-3 HS trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa các từ ngữ vừa tìm được.  Nhận xét  **Hoạt động 2: Luyện câu**  **Mục tiêu:** HS đặt được câu có chứa từ ngữ vừa tìm được ở Bài tập 3.  **Cách tiến hành:**  - GV mời 1HS đọc yêu cầu Bài tập 4:  - GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm đôi, đặt câu có chứa từ ngữ vừa tìm được ở Bài tập 3.  - GV yêu cầu 2-3 HS đại diện nói trước lớp câu vừa đặt.  - GV yêu cầu HS viết vào vở bài tập 1 câu có chứa từ ngữ tìm được ở Bài tập 3.  - GV kiểm tra, nhận xét một số bài làm của HS.  **C. VẬN DỤNG**  Hôm nay, em đã học những nội dung gì? Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  *-* GV yêu cầu HS xem trước bài tiếp theo.  - GV khen ngợi, động viên HS.  - Nhận xét giờ học. | *-HS hứng thú vào bài mới*  HS hát  -*HS quan sát mẫu câu, tìm được các từ có tiếng sách, học; giải nghĩa các từ vừa tìm được.*  Tìm các từ ngữ:  a. Có tiếng sách M: sách vở.  b. Có tiếng học M: học bài.  HS quan sát  a. Các từ ngữ có tiếng "sách": sách vở, quyển sách, cặp sách, sách giáo khoa,...  b. Các từ ngữ có tiếng "học": học bài, đi học, học hành, chăm học, học hỏi,...  - HS trả lời.  -*HS đặt được câu có chứa từ ngữ vừa tìm được ở Bài tập 3.*  Đặt 1-2 câu có chứa từ ngữ vừa tìm được ở Bài tập 3.  - HS trả lời.  - HS đặt câu:  + Em soạn sách vở trước khi đến lớp.  + Em chăm chỉ học hành.  - HS nghe bạn và GV nhận xét câu.  - HS viết một câu chứa từ *sách*, một câu chứa từ *học* vào vở.  - HS lắng nghe, soát lại bài của mình.  Hs trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Nghe – kể Thử tài**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

**-**Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập

-Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn

-Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**b.Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện “Thử tài”

- Kể lại được 1 - 2 đoạn câu chuyện dựa vào tranh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HO**

**GV :**Tranh minh họa, máy tính

**HS :** Vở, bảng con

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.  **Cách thức tiến hành:**  - Cho HS quan sát tranh: *Mỗi bức tranh vẽ gì?*  - Yêu cầu HS đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài.  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 3: Nghe GV kể chuyện Thử tài**  **Mục tiêu**: HS quan sát tranh, đọc tên truyện, đọc nội dung từng tranh và phán đoán nội dung câu chuyện; HS nghe GV kể chuyện.  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cá nhân***  - GV yêu cầu HS quan sát 4 bức tranh, đọc nội dung và phán đoán nội dung câu chuyện.  - GV yêu cầu 1 HS đọc nội dung dưới 4 bức tranh.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em, câu chuyện có những nhân vật nào, nói về sự việc gì?  ***Bước 2: Hoạt động cả lớp***  - GV đọc chuyện Thử tài cho cả lớp nghe (GV vừa kể vừa kết hợp chỉ vào tranh minh họa để HS dễ hình dung hơn câu chuyện).  **THỬ TÀI**  1. Ngày xưa có một cậu bé rất thông minh. Nhà vua muôn thử tài, bèn cho gọi cậu đến bảo:  - Ngươi hãy về lấy tro bếp bện cho ta một sợi dây thừng. Nếu làm được, ta sẽ thưởng.  2. Cậu bé về nhờ mẹ chặt cây tre trong vườn, chẻ nhỏ rồi bện thành một sợi dây thừng. Bện xong, cậu cuộn tròn sợi dây, đặt trên chiếc mâm đồng, phơi cho khô rồi đốt thành tro. Khi lửa tắt, đám tro hiện rõ hình cuộn dây. Cậu đem dâng vua.  3. Vua mừng lắm nhưng vẫn muốn thử tài lần nữa. Lân này, vua đưa cho cậu bé chiếc sừng trâu cong như vòng thúng, bảo:  - Ngươi hãy nắn thẳng chiếc sừng này cho ta. Nếu được, ta sẽ thưởng to.  4. Cậu bé về nhà, bỏ sừng trâu vào cái chảo lớn, đỗ đây nước rồi ninh kĩ. Sừng trâu mềm ra và dễ uỗn. Cậu lây đoạn tre vót nhọn thọc vào sừng trâu rồi đem phơi khô. Khi rút đoạn tre, chiếc sừng trâu đã được uốn thẳng. Thấy cậu bé thực sự thông minh, nhà vua bèn thưởng rất hậu và đưa cậu vào trường học để nuôi đạy thành tài.  Theo Truyện cô dân tộc Dao  - GV kể câu chuyện lần thứ hai. GV yêu cầu HS vừa nghe vừa kết hợp quan sát tranh minh họa để nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS trao đổi về phán đoán nội dung câu chuyện của mình.  **Hoạt động 4: Kể từng đoạn của câu chuyện**  **Mục tiêu**: HS kể lại từng đoạn của câu chuyện  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh và nội dung phần gợi ý dưới mỗi tranh.  - GV mời 4HS đọc 4 nội dung dưới phần gợi ý của từng tranh.  - GV hướng dẫn HS nhớ lại những chi tiết chính của câu chuyện để kể lại từng đoạn của câu chuyện (không bắt buộc HS kể đúng từng câu chữ).  ***Bước 2: Hoạt động theo nhóm***  - GV chia HS làm các nhóm (mỗi nhóm 4 HS). Từng HS đảm nhận kể lại 1 đoạn của câu chuyện theo tranh.  - GV mời đại diện 2-3 nhóm kể lại câu chuyện trước lớp.  - GV khen ngợi những HS nhớ đúng và có cách kể chuyện hay.  **Hoạt động 5: Kể toàn bộ câu chuyện**  **Mục tiêu:** HS kể được toàn bộ câu chuyện Thử tài  **Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động nhóm***  - GV chia HS thành nhóm (2 người). Từng HS lần lượt kể 2 đoạn của câu chuyện, HS kể nối tiếp nhau. HS bổ sung, nhận xét cho nhau.  ***Bước 2: Hoạt động cá nhân***  - GV mời đại diện 1-2 HS xung phong kể toàn bộ câu chuyện trước lớp (GV hỗ trợ HS nếu cần thiết).  - GV nhận xét phần kể chuyện của HS.  - GV khen ngợi HS nhớ, kể đúng được nội dung của câu chuyện.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Em hãy nói về nhân vật mà em thích. Vì sao em thích nhân vật đó.  + Câu chuyện nói về nội dung gì?  Nhận xét  **C. VẬN DỤNG**  Hôm nay, em đã học những nội dung gì? Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  *-* GV yêu cầu HS xem trước bài tiếp theo.  - GV khen ngợi, động viên HS.  - Nhận xét giờ học. | -*HS hứng thú vào bài mới*  -HS quan sát tranh  - 2-3 HS đọc tên truyện, phán đoán nội dung truyện.  - HS chú ý lắng nghe.  HS quan sát  HS đọc bài.  + Câu chuyện có các nhân vật: nhà vua, cậu bé.  + Câu chuyện nói về việc nhà vua thử tài cậu bé và truyền đưa cậu vào trường học để nuôi dậy thành tài.  - HS lắng nghe, kết hợp quan sát tranh minh họa trong SHS.  - HS lắng nghe, quan sát tranh, nhớ những chi tiết chính trong từng đoạn.  - HS trao đổi, so sánh về nội dung mình phán đoán và nội dung câu chuyện GV kể.  *-HS kể lại từng đoạn của câu chuyện*  HS quan sát tranh  - HS đọc phần nội dung gợi ý.    HS kể chuyện trong nhóm  - HS trình bày.  - HS tập kể chuyện.  - HS kể chuyện.  - HS trả lời. Nêu lý do em vì sao thích nhân vật đó: tính cách, sự thông minh, tài giỏi,....  - Nội dung của câu chuyện: Cậu bé thông minh đã vượt qua được thử thách của nhà vua, được nhà vua thưởng rất hậu và đưa vào trường học để nuôi dậy thành tài.  Hs trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Rèn Toán

Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phẩm chất**:

- Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2.Năng lực**

**a.Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Hợp tác với bạn hoàn thành các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề: vận dụng sáng tạo những kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập trong bài, ứng dụng tốt trong cuộc sống

**b.Năng lực đặc thù**

- Tư duy và lập luận toán học: Nhận biết được nhiều hơn, ít hơn

- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

**3. Tích hợp**: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:bộ thiết bị dạy toán; 20 khối lập phương

**-** HS:Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **1.Khởi động.**  **Mục tiêu:** HS phấn khởi, tích cực chủ động trước tiết học  **Cách tiến hành** | | |
| - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh nhất?”  - GV giới thiệu, ghi tựa: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu | - HS cả lớp thực hiện trò chơi.  - HS nhắc tựa |
| **2.Luyện tập, thực hành.**  **Mục tiêu:** HS hoàn thành các BT ôn tập về nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu  **Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 1:**  **a.**  - GV giới thiệu BT  - HDHS xác định màu cần tô cho mỗi con vật  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nêu YCBT  - HS lắng nghe  - HS làm CN vào VBT 3’  Con chuột: tô 6 ô màu đỏ  Con mèo: tô 4 ô màu xanh  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **b.**  - GV giới thiệu BT  - HDHS nhìn màu vừa tô, so sánh số con mèo và con chuột  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nêu YCBT  - HS lắng nghe  - HS điền số VBT CN 3’  Số con chuột nhiều hơn số con mèo  Số con mèo ít hơn số con chuột  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **c.**  - GV giới thiệu BT  - HDHS phân tích bài toán  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết số chuột nhiều hơn số mèo bao nhiêu con, cần làm phép tính gì?  Theo dõi HD HS còn chậm  - Thu vở, Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc BT  - HS nêu :  + Có 4 con mèo, 6 con chuột  + Số chuột nhiều hơn số mèo bao nhiêu con?  - HS nêu  - HS làm VBT 3’  6 – 4 = 2  Trả lời: Số chuột nhiều hơn số mèo là 2 con |
| **Bài 2:**  - GV giới thiệu BT  - HDHS quan sát tranh, thực hiện BT  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nêu YCBT  - HS lắng nghe  - HS làm VBT:  A.s, B.đ, C.đ  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 3:**  **a.**  - GV giới thiệu BT  - HDHS dùng thước đo đúng  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS lắng nghe  - HS thực hiện CN vào VBT3’  - HS đọc số đơn vị đo được  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **b.**  - HDHS dựa vào độ dài 2 băng giấy đã đo ở BT3a, hoàn thiện BT 3b  Theo dõi HD HS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS lắng nghe  - HS thực hiện 2’  - HS đọc KQ: A  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 4**  - GV giới thiệu BT  - HDHS tìm hiểu BT  Theo dõi HD HS còn chậm  - Thu VBT, Nhận xét, tuyên dương | - HS quan sát BT  - HS tìm hiểu BT theo HD của GV  - HS làm VBT 3’  35 – 20 = 15  Trả lời: Ngăn trên có ít hơn ngăn dưới 15 quyển sách |
| **Bài 5** (Thực hiện tương tự BT 4) |  |
| **3.Vận dụng, trải nghiệm: 5’**  **Mục tiêu:** HScủng cố nội dung bài, chuẩn bị bài sau  **Phương pháp:** trò chơi  **Cách tiến hành:** | |
| - GV tổ chức trò chơi: Truyền điện  - GV nhận xét, tuyên dương  - Dặn HS chuẩn bị bài Em làm được những gì?  **-** GV nhận xét tiết học | - HS thi đua cá nhân so sánh 2 nhóm đồ vật GV nêu  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe  - HS nhận xét tiết học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Hoạt động thực hành

**Toán**

**Em làm được những gì??**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phẩm chất**:

- Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2.Năng lực**

**a.Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Hợp tác với bạn hoàn thành các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề: vận dụng sáng tạo những kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập trong bài, ứng dụng tốt trong cuộc sống

**b.Năng lực đặc thù**

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.

- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.

- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).

- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**3. Tích hợp**: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:bộ thiết bị dạy toán

**-** HS:Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động**  **Mục tiêu:** HS phấn khởi, tích cực chủ động trước tiết học  **Phương pháp:** trò chơi  **Cách tiến hành** | |
| - Trò chơi “ĐỐ BẠN”  - GV giới thiệu, ghi tựa: Em làm được những gì? | - HS tham gia trò chơi đố bạn các phép tính đã có  - HS nhắc tựa |
| **2.Luyện tập, thực hành**  **Mục tiêu:** Ôn tập các số đến 100  **Phương pháp:** luyện tập thực hành, thảo luận nhóm  **Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  - GV giới thiệu BT  - HDHS quan sát mẫu BT 1a  Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS theo dõi GVHD  - HS thực hiện BT  b.34, c.63, d.35 |
| **Bài 2**  - GV giới thiệu BT  - HDHS ước lượng số con mèo ở 1 hàng, sau đó ước lượng tất cả con mèo, đếm lại  Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS lắng nghe  - HS thực hiện vào VBT  Có khoảng: 40 con mèo  Đếm: 43 con mèo  Ước lượng: 40 quả táo  Đếm: 38 quả táo  - HS đọc KQ  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 3**  - GV giới thiệu BT  - HDHS ôn tên gọi tổng, số hạng, số bị trừ, số trừ, hiệu  Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS lắng nghe  - HS thực hiện nối tiếp sức  Số hạng: 0 và 9  Tổng: 9  Số bị trừ: 68  Số trừ 33  Hiệu: 35  - Lớp nhận xét tuyên dương |
| **Bài 4**  - GV giới thiệu BT  - HDHS nhắc lại cách đặt tính rồi tính  Theo dõi HDHS còn chậm  - YCHS nêu lý do vì sao chọn đ/ s  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS nêu: đặt tính thẳng hàng, ..  - HS thực hiện BT 3’  KQ: đ, s, s, s  - HS nêu  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **3.Vận dụng, trải nghiệm:**  **Mục tiêu:** củng cố nội dung Ôn tập các số đến 100, chuẩn bị bài sau  **Phương pháp:** trò chơi  **Cách tiến hành:** | |
| - GV tổ chức trò chơi: Nói tiếp  - GV nhận xét, tuyên dương  - Dặn HS chuẩn bị bài Điểm-đoạn thẳng  - GV nhận xét tiết học | - HS thi đua cá nhân nói nối tiếp:  36 là số liền trước 37  56 là số liền sau của 55  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe  - HS nhận xét tiết học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

Âm nhạc ( cô Thanh dạy)

…………………………………………………………..

Thứ Sáu, ngày 16 tháng 9 năm 2022

**Toán**

**Em làm được những gì?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Gọi được tên các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.

- Nêu được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn

đến phép cộng, phép trừ.

- Sử đụng sơ đồ tách — gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).

- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực chung***:

- **Năng lực tự chủ và tự học**: Tự làm được các bài tập cá nhân

- **Năng lực giao tiếp, hợp tác** Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập trong nhóm.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***b. Năng lực riêng:*** Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết.

Giải quyết được các vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.

**3. Phẩm chất:**

**- Yêu nước:** Kính trọng mọi người.

**- Nhân ái:** Yêu quí bạn bè, thầy cô.

**- Chăm chỉ:** Hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**- Trung Thực:** Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực.

**- Trách nhiệm**: có ý thức giữ gìn về sinh.

Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Giáo án, SGK, SGV.

- Hình vẽ, tranh ảnh cho bài tập 9

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS cả lớp chơi trò chơi: Đố bạn  - GV hỏi: Tám nưrơi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?  + GV hỏi: Gộp 80 và 7 được số nào?  - GV cho HS bắt cặp theo nhóm đôi, chơi trò chơi  **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.  **Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1***  - GV cho HS nhóm hai tìm hiểu bài, nhận biết:  + Yêu cầu của bài: Số  + Tìm quy luật của dãy số (câu a thêm 1, câu b thêm 2, câu c thêm 10)  - GV yêu cầu HS đếm thêm số điền vào các dấu ?, viết vào bảng con.    - GV gọi 3 HS lên bảng điền số, giải thích tại sao lại điền như vậy?  - GV tuyên dương, khen ngợi HS viết đúng số  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2***  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện:   * Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3 * Viết bốn phép tính với ba số 43; 70 và 3   - GV cho HS làm việc nhóm đôi phân tích số dựa vào mẫu:    - GV gọi HS lên bảng trình bày, phân tích cấu tạo số  - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp  ***Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân/ nhóm đôi, hoàn thành BT3***  - GV chỉ vào từng số trong các phép tính, gọi lần lượt 2 HS gọi tên thành phần trong phép tính  - GV cho HS làm việc nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách – gộp số rồi đọc phép tính để tìm số bị che.    - GV gọi HS lên bảng trình bày, thay dấu ? bằng phép tính thích hợp  - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp  ***Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT4***  - GV cho HS đọc đề, tìm hiểu bài để nhận biết yêu cầu của bài  - GV đọc phép tính, cho cả lớp HS thực hiện phép tính vào bảng con  \* Lưu ý HS đặt đúng phép tính 8 + 41  - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp  ***Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi hoàn thành BT5***  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài và hòan thành bài  + Yêu cầu của bài so sánh – điền dấu  - GV gọi các nhóm lên bảng trình bày kết quả, giải thích tại sao chọn điền dấu đó  - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, giải thích chính xác  **C. VẬN DỤNG:**  **Mục tiêu:** HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”  **Cách tiến hành:**  - GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn các số gia đình. Khi GV đưa bảng con ra, HS viết các phép tính vào bảng con. (Chơi theo nhóm bốn, mỗi em viết mỗi phép tính cho đủ 2 phép cộng và 2 phép trừ).  Chơi khoảng 3 lần, nhóm nào nhiều lần đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.  - GV đưa bảng: 57; 13; 44. Các nhóm HS viết phép tính vào bảng con  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện nhanh nhất, đúng nhất | *-HS hứng thú vào bài mới*  - Cả lớp nói: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.  + Cả lớp nói: Gộp 80 và 7 được 87  - HS bắt cặp theo nhóm đôi tham gia chò trơi.  -*HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán*.  - HS thảo luận nhóm đôi nhận biết yêu cầu của bài.  - HS điền số viết vào bảng con  - HS lên bảng điền số và giải thích:  a) Đếm thêm 1: 34; 35; 36; 37; **38; 39; 40**  b) Đếm thêm 2: 35; 37; 39; 41; **43; 45; 47**  c) Đếm thêm 10: 23; 33; 43; 53; **63; 73; 83**  - HS lắng nghe GV  - HS quan sát mẫu, thảo luận nhóm đôi  - HS thực hiện theo nhóm đôi, phân tích số 36  - HS phân tích: 36 gồm 30 và 6  + 30 + 6 = 36 6 + 30 = 36  + 36 – 6 = 30 36 – 30 = 6  - HS lắng nghe GV nhận xét  - HS gọi tên từng số:   * 34 + 52 = 86: 34 là số hạng, 52 là số hạng và 86 là tổng * 86 – 52 = 34: 86 là số bị trừ, 52 là số bị trừ và 34 là hiệu.   - HS thảo luận nhóm đôi  - HS điền số thích hợp:  34 = 86 – 52  52 = 86 – 34  86 = 34 + 52  - HS lắng nghe  - HS đọc đề nhận biết yêu cầu: Đặt tính rồi tính.  - HS thực hiện phép tính vào bảng con:  **37**  **15**  **22**  **-**  **8**  **41**  **49**  **+**  **62**  **24**  **86**  **+**  - HS lắng nghe  - HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV  - Các nhóm HS trình bày kết quả và các bước làm của nhóm mình  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương  *-HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”*  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi  - HS viết phép tính:  **13 + 44 = 57**  **44 + 13 = 57**  **57 – 13 = 44**  **57 – 44 = 13**  - HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Viết Thời gian biểu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

-Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập

-Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn

-Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**b.Năng lực đặc thù**

- Lập thời gian biểu một buổi trong ngày

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**GV :**Tranh minh họa, máy tính

**HS :** Vở, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học. **Cách tiến hành:**  Cho lớp hát bài hát lớp chúng mình  - GV giới thiệu vào bài Út Tin (tiết 5).  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Phân tích mẫu thời gian biểu**  **Mục tiêu:** HS đọc thời gian biểu của cầu thủ nhí Lê Đình Anh và trả lời được các câu hỏi.  **Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu Bài tập 6a:  Bạn Lê Đình Anh lập thời gian biểu cho những buổi nào trong ngày?  Mỗi cột trong thời gian biểu của bạn Lê Đình Anh viết những nội dung gì?  - GV hướng dẫn HS mở lại SHS trang 13 để quan sát và đọc lại thời gian biểu của bạn Lê Đình Anh.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi. Từng HS trả lời câu hỏi trong Bài tập 6a, cả nhóm thống nhất câu trả lời.  - GV mời đại diện 2-3 HS trình bày kết quả.  **Hoạt động 2: Viết thời gian biểu**  **a. Mục tiêu:** HS nói với bạn những việc em làm của một buổi trong ngày, thời gian làm mỗi việc; HS viết thời gian biểu một buổi trong ngày.  **b. Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa trong Bài tập 6b.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Nhìn vào thời gian biểu, em hãy cho biết những việc bạn nhỏ đã thực hiện trong một ngày?Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_1.png  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi. Từng HS nói nói với bạn những việc em làm của một buổi trong ngày, thời gian làm mỗi việc.  ***Bước 3: Hoạt động cá nhân***  - GV yêu cầu HS viết thời gian biểu trong ngày của em vào vở bài tập.  - GV mời đại diện 2-3 HS đứng dậy đọc bài.  - GV nhận xét, khen ngợi những HS viết đúng, viết hay.  **C. VẬN DỤNG**  Hôm nay, em đã học những nội dung gì? Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  *-* GV yêu cầu HS xem trước bài tiếp theo.  - GV khen ngợi, động viên HS.  - Nhận xét giờ học. | -HS hứng thú vào bài mới  Cả lớp cùng hát  HS đọc thời gian biểu của cầu thủ nhí Lê Đình Anh và trả lời được các câu hỏi.  Đọc lại thời gian biểu của cầu thủ nhí Lê Đình Anh và trả lời câu hỏi:  + Bạn Đình Anh lập thời gian biểu cho: buổi sáng, trưa, chiều, tối.  + Mỗi cột trong thời gian biểu viết những nội dung: thời gian, công việc.  Thảo luận nhóm đôi  HS trình bày  -*HS nói được với bạn những việc em làm của một buổi trong ngày, thời gian làm mỗi việc; HS viết thời gian biểu một buổi trong ngày*  - HS trả lời: Những việc bạn nhỏ làm trong một ngày: đánh răng, đi học, chơi thể thao, tưới cây, ăn tối, đi ngủ.  - HS thảo luận.  - HS viết bài.   |  |  | | --- | --- | | Thời gian | Công việc | | Buổi sáng | Thức dậy  Vệ sinh cá nhân  Ăn sáng  Tới trường |   -HS trả lời  -HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Đọc một bài đọc về Trẻ em**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

**-** Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập

-Trung thực: Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn

-Trách nhiệm: Có ý thức tự giác trong học tập

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học : Tích cực tham gia hoạt động nhóm

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**b.Năng lực đặc thù**

- Chia sẻ một bài đã đọc về trẻ em.

- Trang trí thời gian biểu và nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV :**Tran minh họa, máy tính

**HS :** Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của GV** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.  **Cách tiến hành:**  Cho lớp hát bài hát  - GV giới thiệu vào bài Út Tin (tiết 6).  **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Chia sẻ một bài đã đọc về trẻ em**  **Mục tiêu:** HS chia sẻ được với các bạn về một bài đã đọc (tên bài đọc, tên tác giả, tên nhân vật, thông tin em biết,...)  **Cách tiến hành**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV mời 1HS đọc yêu cầu Bài tập 1a: Chia sẻ về truyện đã đọc.  - GV hướng dẫn HS tìm đọc một số bài viết hay viết về trẻ em trong tủ sách gia đình hoặc ở hiệu sách của địa phương, thư viện nhà trường.  - GV giới thiệu một số câu chuyện hay về trẻ em: Trắng sáng sân nhà em, Tay bé,...  ***Bước 2: Hoạt động cá nhân***  - GV yêu cầu HS chia sẻ về bài đã đọc, nêu được: tên truyện, tên tác giả, tên nhân vật, thông tin em biết, ấn tượng, thích thú.  - GV mời đại diện 3-4 HS trình bày kết quả trước lớp.  **Hoạt động 2: Viết phiếu đọc sách**  **Mục tiêu:** HS viết được một số thông tin chính của cuốn sách vào Phiếu đọc sách (tên bài đọc, tên tác giả, thông tin em biết).  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_2.png- GV mời 1 HS đứng dậy đọc yêu cầu Bài tập 1b: Viết vào Phiếu đọc sách những điều em đã chia sẻ.  - GV hướng dẫn HS: HS cần nhớ tên bài đọc, tên tác giả, thông tin em biết một cách chính xác trong bài đọc để điền vào vở bài tập.  ***Bước 2: Hoạt động cá nhân***  - GV yêu cầu HS viết Phiếu đọc sách vào vở bài tập: tên truyện, tên tác giả, thông tin em biết.  - GV mời đại diện 3-4 HS đọc bài.  - GV nhận xét, đánh giá, sửa bài cho HS  **Hoạt động 3: Trang trí thời gian biểu Mục tiêu:** HS biết cách trang trí thời gian biểu trong ngày (cắt dán, tô màu) theo ý thích.  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị: bút chì, bút màu, giấy vẽ thủ công, kéo, hồ nước,....  - HS có thể vẽ đơn giản hoặc cắt dán các hình trang trí khác nhau tùy vào khả năng của mỗi em.  ***Bước 2: Hoạt động cá nhân***  - GV hướng dẫn HS trang trí thời gian biểu trong ngày vào vở bài tập.  - GV yêu cầu HS chia sẻ cách trang trí thời gian biểu của em cho các bạn cùng lớp.  - GV mời đại diện 4-5 HS xung phong trình bày bài trang trí thời gian biểu trước lớp.  - GV khen ngợi, động viên những HS có ý tưởng hay, trang trí đẹp.  **Hoạt động 4: Nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu**  **a. Mục tiêu:** HS chia sẻ, nói với bạn cùng lớp một việc em làm em đã viết trong thời gian biểu.  **b. Cách thức tiến hành:**  ***Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu Bài tập 2b  - GV hướng dẫn HS nói thời gian việc làm đó (vào buổi nào, lúc mấy giờ), công việc em làm là gì?  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi. Từng HS nói về việc làm em viết trong thời gian biểu.  - GV hướng dẫn HS có thể nói thêm: sau khi làm việc đó em có suy nghĩ gì, em có hoàn thành tất cả mọi việc đã được viết trong thời gian biểu không,....  - GV mời đại diện 3-4 HS trình bày trước lớp.  - GV khen ngợi, động viên HS trình bày rõ ràng, giọng nói, điệu bộ linh hoạt.  **C. VẬN DỤNG**  Hôm nay, em đã học những nội dung gì? Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  *-* GV yêu cầu HS xem trước bài tiếp theo.  - GV khen ngợi, động viên HS.  - Nhận xét giờ học. | Cả lớp cùng hát  *-HS chia sẻ được với các bạn về một bài đã đọc về Trẻ em*  Chia sẻ về truyện đã đọc  HS lắng nghe, tham khảo.  HS lắng nghe  - HS chia sẻ trước lớp.  HS viết được một số thông tin chính của cuốn sách vào Phiếu đọc sách  - HS làm bài.  - HS lắng nghe, tự soát lại bài của mình.  HS bỏ dụng cụ lên bàn  HS lắng nghe  - HS thực hành.  *-HS chia sẻ, nói với bạn cùng lớp một việc em làm em đã viết trong thời gian biểu.*  Nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu.  HS thảo luận nhóm  HS trình bày trước lớp |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tự Nhiên & Xã Hội**

**Nghề nghiệp của người thân trong gia đình (tiết 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

- **Chăm chỉ:** Yêu thích lao động.

**- Trung thực:** Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.

**- Trách nhiệm:** Có ý thức tự giáctrong học tập , trong lao động.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

**- Năng lực tự chủ và tự học:** Tích cực tham gia học tập, biết xử lý các tình huống và liên hệ bản thân.

**- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập. Biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của thầy cô.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** đưa ra ý kiến, phân tích và ra quyết định để giải quyết tình huống trong bài học. Mô tả được mốt số nghề nghiệp.

**b. Năng lực đặc thù:**

* Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương.

- Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này

**II.** **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**

* Bài hát, tranh tình huống, giấy A0.

1. **Học sinh**

* SGK, VBT, giấy màu, kéo, keo dán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động và sản phẩm của HS** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về các nghề nghiệp.  **Cách tiến hành:**   * GV tổ chức trò chơi “Đố vui”. * GV mời một số HS lên bảng mô tả bằng lời về nghề nghiệp của một người thân trong gia đình mình (những việc làm hằng ngày và ích lợi của nghề nghiệp đó). * HS khác cùng đoán về nghề nghiệp được bạn nói đến. * GV nhận xét, dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.   - GV ghi tựa bài lên bảng, vài HS nhắc lại.  **B. KHÁM PHÁ**  **Hoạt động 1: Quan sát hình và thảo luận**  **Mục tiêu:** HS thu thập được một sò thông tin về những công việc tình nguyện không nhận lương.  **Cách tiến hành:**   * GV tổ chức cho HS quan sát các hình 10, 11, 12, 13 trong SGK trang 14 (hoặc có thể chiếu bằng máy chiếu cho HS quan sát).      * GV đặt câu hỏi:   + Mọi người trong hình đang làm gì?  + Công việc của họ có ý nghĩa như thế nào với mọi người xung quanh?  + Công việc tình nguyện là công việc như thế nào? Những người làm công việc tình nguyện có nhận lương không?   * GV mời 4 HS lên bảng lần lượt chỉ vào các hình trên bảng và nói về nội dung các hình. * HS và GV cùng nhận xét. * ***Kết luận:*** Có những công việc, nghề có thu nhập nhưng cũng có những công việc tình nguyện không nhận lương, những công việc đó thường là những công việc tình nguyện, thiện nguyện, góp phần mang lại ý nghĩa lớn cho cộng đồng xung quanh, thể hiện sự yêu thương và chia sẻ.   **Hoạt động 2: Sưu tầm tranh, ảnh và chia sẻ thông tin về các công việc xung quanh**  **Mục tiêu*:*** HS liên hệ được một số công việc tình nguyện trong cuộc sống hằng ngày.  **Cách tiến hành:**   * HS chuẩn bị các tranh, ảnh, thông tin đã sưu tầm, chuẩn bị. * HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi:   + Bạn đã sưu tầm thông tin về những công việc, nghề nghiệp nào?  + Đó là công việc có thu nhập hay công việc tình nguyện không nhận lương?  + Những công việc đó mang lại ích lợi gì cho mọi người xung quanh?   * GV mời 2 đến 3 nhóm HS báo cáo trước lớp. * HS và GV cùng nhau nhận xét, rút ra kết luận. * ***Kết luận:*** Có nhiều công việc tình nguyện quanh em: giúp đỡ HS trong mùa thi; giúp đỡ người già ở viện dưỡng lão; chăm sóc các em nhỏ tật nguyền, trẻ mồ côi;...   **Hoạt động 3:** Thực hành làm và chia sẻ về “Cây nghề nghiệp mơ ước”  **Mục tiêu:** HS liên hệ được một số công việc tình nguyện trong cuộc sống hằng ngày.  **Cách tiến hành:**   * GV chia lớp thành các nhóm.   + Mỗi HS chuẩn bị một tờ giấy màu, kéo, bút viết.  + Cắt tờ giấy màu thành hình bông hoa hoặc quả.  + Viết lên tờ giấy một nghề nghiệp yêu thích.  + Dán tờ giấy lên “Cây nghề nghiệp mơ ước” của nhóm.  + Giới thiệu với các bạn về nghề nghiệp mơ ước của mình.   * ***Kết luận:*** Mỗi bạn đều ước mơ sau này làm một nghề nghiệp yêu thích. Các em hãy cùng nhau cố gắng học tập chăm chỉ để sau này thực hiện được ước mơ của mình. * GV dẫn dắt để HS rút ra bài học.   GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: “Nghề nghiệp - Tình nguyện - Yêu thích”.  **3. Hoạt động tiếp nối sau bài học**  - GV yêu cầu HS chia sẻ với người thân trong gia đình về nghề nghiệp yêu thích của mình.  - GV nhận xét tiết học. | -*HS có hứng thú học tập*  - Cả lớp chơi trò chơi  - 1 HS mô tả  - Lớp đoán nghề nghiệp  - HS nghe.  - Vài HS nhắc lại tựa bài.  -*HS thu thập được một sò thông tin về những công việc tình nguyện không nhận lương.*  - HS quan sát hình  - HS trả lời  + *Họ đang làm tình nguện viên dọn vệ sinh, sửa nhà, dạy học, khám và chữa bệnh cho người nghèo.*  + *Họ giúp nơi ở được sạch sẽ hơn, nhà được sửa lại để ở, dạy học cho các em nhỏ biết chữ, khám bệnh cho mọi người khỏe mạnh hơn.*  - HS lên bảng nói về nội dung các hình- Hs nhận xét.  - Hs lắng nghe kết luận.  - HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm chia sẻ.  - HS lắng nghe kết luận.  -*HS liên hệ được một số công việc tình nguyện trong cuộc sống hằng ngày.*  - HS làm việc theo nhóm:  Trình bày nghề nghiệp mình yêu thích  - HS chia sẻ với các bạn về nghề nghiệp mơ ước của mình  - HS chú ý lắng nghe.  - HS chia sẻ với người thân về nghề nghiệp yêu thích của mình |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Rèn Tiếng Việt**

# **Út Tin**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Phẩm chất**

- Bồi dưỡng sự chăm chỉ, tính tự giác, trách nhiệm.

**2. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết sắp xếp được thời gian biểu của bản thân

**b.Năng lực đặc thù:**

- Nói được những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Nét đáng yêu của Út Tín san khi cắt tóc; biết liên hệ bản thân: tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người, giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.

- Nhìn - viết đúng đoạn thơ; làm quen với tên gọi của một số chữ cái; phân biệt g/gh.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV : Bảng tên chữ cái hoàn thiện.

- HS : SHS.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC  :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1.Khởi động**  **Mục tiêu:** HS phấn khởi, tích cực chủ động trước tiết học  **Cách tiến hành** | |
| - Tổ chức HS thi đọc  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV giới thiệu, ghi tựa: Út Tin | - HS thi đua đọc 1 đoạn tự chọn bài Út Tin  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe, nhắc tựa |
| |  | | --- | | **2.Hoạt động Luyện tập thực hành**  **Mục tiêu:** HS luyện đọc lại bài đọc, hiểu nội dung bài. Hoàn thành các bài tập trong VBT  **Cách tiến hành** | | |
| **HĐ 1: Luyện đọc: Út tin. 15’**  - YCHS mở SGK bài Út Tin  - YCHS đọc nối tiếp đoạn  - YCHS đọc bài  - YCHS trả lời lại câu hỏi của bài  - Nhận xét, tuyên dương | - HS mở SGK/26  - HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 4’  - HS đọc nối tiếp đoạn trước lớp  - HS đọc bài trước lớp CN-ĐT |
| **Bài 4.Viết 2-3 từ**  - GV giới thiệu BT  - HDHS nêu từ có tiếng sách, học  - Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS đọc từ mẫu: sách vở, học bài  - HS viết VBT 3’  - HS nêu từ vừa tìm: quyển sách, học sinh, ... |
| **Bài 5. Viết câu**  - GV giới thiệu BT  - HDHS viết 1-2 câu với từ vừa tìm ở BT4  - Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS đọc YCBT  - HS lắng nghe  - HS viết VBT 3’  - HS nêu câu vừa tìm  Nga là một học sinh chăm chỉ |
| **Bài 6. Lập thời gian biểu**  - GV giới thiệu BT  - Gợi ý:  + Buổi sáng, lúc mấy giờ em làm gì  + Buổi chiều, lúc mấy giờ, em làm gì?  - Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương, LHGD | - HS đọc YCBT  - HS lắng nghe  - HS viết VBT 5’  - HS đọc thời gian biểu của bản thân  - Lớp nhận xét, tuyên dương |
| **Bài 7. Viết Phiếu đọc sách**  - GV giới thiệu BT  - HDHS viết vào Phiếu đọc sách những điều em đã chia sẻ với bạn sau khi đọc về một truyện  - Theo dõi HDHS còn chậm  - Nhận xét, tuyên dương  - HDHS thực hiện tự đánh giá | - HS đọc YCBT  - HS lắng nghe  - HS viết VBT 3’  - HS lắng nghe  - HS thực hiện 1’ |
| **3.Vận dụng, trải nghiệm:**  **Mục tiêu:** HScủng cố nội dung bài đọc, chuẩn bị bài sau  **Cách tiến hành:** | |
| - YCHS đọc + trả lời câu hỏi của bài  - GV nhận xét, tuyên dương  - Dặn HS chuẩn bị bài: Tóc xoăn tóc thẳng  - Nhận xét tiết học | - HS đọc + trả lời câu hỏi của bài  - HS nhận xét, tuyên dương  - HS lắng nghe  - HS nhận xét tiết học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**…………………………..**

**GDTC ( cô Tiên dạy)**

**………………………………………**

**Hoạt động trải nghiệm**

# **CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU**

***Tiết 3: Sinh hoạt lớp:*** *Tham gia xây dựng nội quy lớp học*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: Thể hiện trong lao động, nề nếp, gọn gàng trong sinh hoạt và học tập

- Phẩm chất nhân ái: Vui vẻ, thân thiện với các bạn khi trở lại trường học, hợp tác, chia sử với bạn khi tham gia công việc chung của trường, lớp.

**2. Năng lực:**

***a.Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***b.Năng lực đặc thù:***

- Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp

- Nhận diện hình ảnh thân thiện, vui vẻ của bản thân

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

– SGK Hoạt động trải nghiệm 2;SGV Hoạt động trải nghiệm 2

– Bảng phụ hoặc giấy A3, giấy A4 hoặc mẫu sơ đồ tư duy để HS lập danh sách các việc làm đề xây dựng hình ảnh bản thân, mẫu bảng tự theo dõi việc làm của bản thân, một số món quà/sản phẩm mẫu cho HS quan sát, Phiếu đánh giá.

**2. Đối với học sinh**

- SGK Hoạt động trải nghiệm 2, giấy bìa màu, bút chì, bút màu, thước kẻ, hồ dán,...

- Cuối mỗi tiết hoạt động, GV nên nhắc nhở lại những điều HS cần chuẩn bị cho tiết hoạt động sau.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - Cán bộ lớp tổng kết thi đua các tổ trong tuần học vừa qua.  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo tổ, thảo luận về các nội quy của nhà trường mà các em đã thực hiện trong 2 tuần vừa qua.  - GV gọi đại diện các tổ nêu ý kiến về việc thực hiện nội quy nhà trưởng của các thành viên trong tổ.  - GV tiếp tục cho HS hoạt động theo tổ, nêu ý kiến trong nhóm về lớp học mong muốn của mình, từ đó yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và đề ra các nội quy của lớp học mà các em mong muốn.  - GV tổng hợp lý kiến của các tổ, tổ chức cho HS biểu quyết những nội quy đã được các tổ thống nhất.  - GV tổ chức cho các tổ trang trí nội quy lớp học và khẩu hiệu quanh lớp học.  - GV tổng kết hoạt động.  - GV tổng kết thi đua tuần học và phổ biến kế hoạch tuần mới. | - HS hoạt động theo tổ, thảo luận về các nội quy của nhà trường mà các em đã thực hiện trong 2 tuần vừa qua.  - Các tổ nêu ý kiến của tổ mình.  - HS hoạt động theo tổ, nêu ý kiến trong nhóm về lớp học mong muốn của mình và nêu các nội quy của lớp  - HS biểu quyết những nội quy đã được các tổ thống nhất.    - Các tổ trang trí lớp học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |